



OCEAN BANK

Báo cáo thường niên  
**2012**





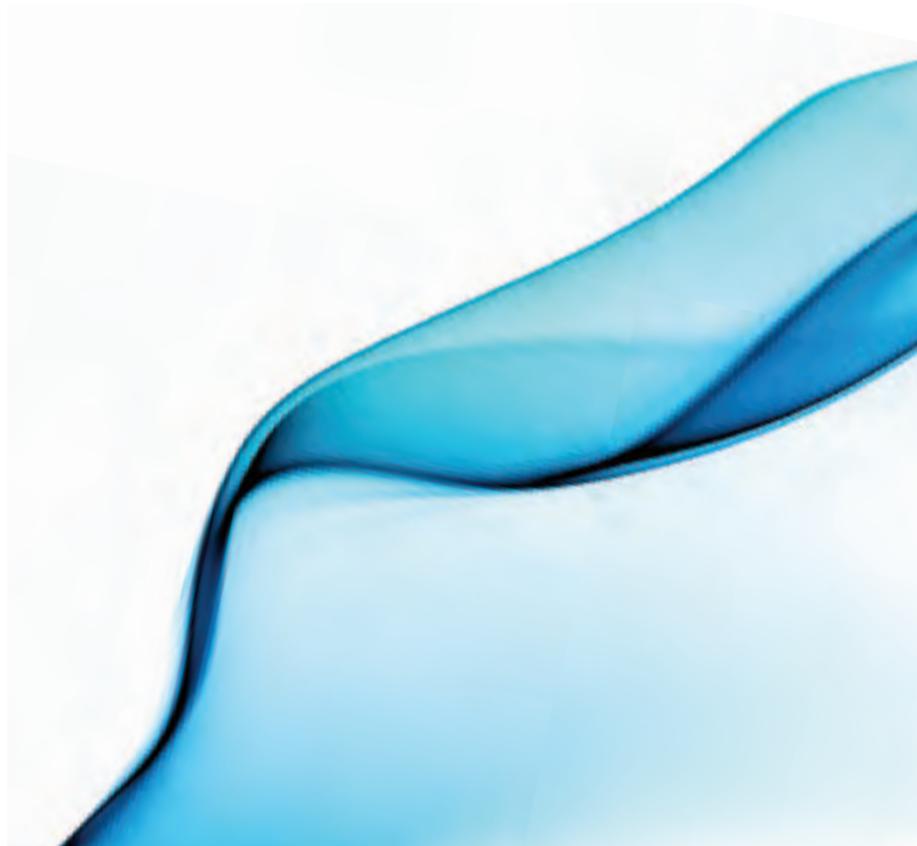


# MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị	<b>6</b>
Thông điệp Tổng Giám đốc	<b>8</b>
Tổng quan	<b>10</b>
Chỉ tiêu tài chính các năm	<b>12</b>
Tầm nhìn - Sứ mệnh	<b>14</b>
Cơ cấu tổ chức	<b>16</b>
Báo cáo hoạt động ngân hàng 2012	<b>20</b>
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012</i>	<b>22</b>
<i>Thành tích và sự công nhận của xã hội năm 2012</i>	<b>30</b>
<i>Công tác từ thiện xã hội năm 2012</i>	<b>32</b>
<i>10 sự kiện nổi bật năm 2012</i>	<b>34</b>
Định hướng 2013	<b>40</b>
<i>Kế hoạch kinh doanh năm 2013</i>	<b>42</b>
Mạng lưới chi nhánh/PGD	<b>46</b>
Báo cáo Tài chính Kiểm toán 2012	<b>50</b>



# Báo cáo thường niên **2012**



# THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý vị cổ đông và Khách hàng,

Năm 2012 là năm có nhiều thách thức đối với các Ngân hàng TMCP do bối cảnh kinh tế xã hội trong nước và trên thế giới đều diễn biến theo chiều hướng không thuận lợi. Những khó khăn kinh tế hiện tại tác động mạnh tới khối khách hàng doanh nghiệp, đồng thời tỷ lệ tiết kiệm và sức mua trong dân giảm mạnh cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động ngân hàng bán lẻ. Nhưng OceanBank đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong việc củng cố tổ chức, quảng bá thương hiệu, tạo tiền đề cho việc phát triển

kinh doanh trong các năm tiếp theo.

Năm 2012, HĐQT tiếp tục chỉ đạo thực hiện mục tiêu an toàn, thận trọng và nâng cao chất lượng hoạt động. Thực hiện nghị quyết 02 của chính phủ, OceanBank đã tập trung vào 4 lĩnh vực được ưu tiên cấp tín dụng: phát triển nông nghiệp và nông thôn, sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là đảm bảo nguồn vốn lưu động cho loại hình doanh nghiệp này. HĐQT luôn bám sát các hoạt động của ngân hàng và phân tích các chỉ số kinh doanh để đảm bảo tài sản và nguồn vốn của OceanBank luôn duy trì ở mức

độ an toàn, giảm thiểu những khó khăn tiềm ẩn trong tương lai, nghiêm túc chấp hành đúng quy định của NHNN về các tỷ lệ an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, ứng phó linh hoạt với tình hình kinh tế vĩ mô.

Nâng cao tính ổn định, bền vững và thanh khoản là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của ngân hàng trong giai đoạn 2013 - 2015. Để đạt được mục tiêu này, HĐQT đã đề ra các giải pháp chủ yếu ngân hàng đang thực hiện là: mở rộng và đẩy mạnh hệ thống bán lẻ để nâng cao sự ổn định của nguồn vốn và mở rộng cơ sở khách hàng; xây dựng kế hoạch cụ thể và chương trình hành động về xử lý nợ xấu; cơ cấu lại hệ thống quản trị theo hướng tăng cường năng lực quản trị, cải tiến quy trình kinh doanh, tăng cường quản trị rủi ro và thực hiện dự án đổi mới hệ thống nhận diện thương hiệu.

Từ tháng 8/2012, OceanBank đã hợp tác với các chuyên gia tư vấn thương hiệu hàng đầu Châu Âu đến từ Vương quốc Anh tham gia dự án đổi mới thương hiệu. Theo đó, OceanBank đã và đang thay đổi toàn bộ hệ thống nhận diện thương hiệu, trong đó chú trọng nhất tới cơ sở vật chất, hình ảnh chi nhánh, phòng giao dịch, cải tiến quy trình giao dịch để mang tới sự trải nghiệm tuyệt vời nhất cho khách hàng.

Trên cơ sở dự báo về môi trường kinh doanh, cũng như nhận định về những thách thức, diễn

biến phức tạp của thị trường, HĐQT OceanBank xây dựng những mục tiêu kinh doanh phù hợp, đảm bảo sự vững mạnh trong hoạt động ngân hàng và nâng cao hơn nữa giá trị và tài sản của cổ đông. OceanBank sẽ tiếp tục thực hiện các mục tiêu: An toàn trong mọi hoạt động; Chuyên nghiệp trong quản trị, trình độ chuyên môn cao tiệm cận trình độ các nước phát triển; Tập trung vào khách hàng thông qua những trải nghiệm từ dịch vụ tốt, sản phẩm đa dạng; Các quy trình hướng tới sự phục vụ khách hàng tốt nhất và hệ thống kênh phân phối đa dạng; Phấn đấu trở thành một tổ chức mà người lao động muốn lựa chọn để làm việc vì luôn được tạo điều kiện học tập và phát triển, phát huy hết khả năng và năng lực của mình.

Chân thành cảm ơn sự tin tưởng và hợp tác của Quý Cổ đông và Khách hàng!

**Chủ tịch HĐQT**



**Hà Văn Thắm**

# THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý vị cổ đông và Quý khách hàng,

Năm 2012 đã kết thúc và chúng ta bước vào năm 2013 với những dự cảm không mấy lạc quan về tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới. 2012 là một năm đầy khó khăn thách thức không chỉ với OceanBank mà còn với toàn ngành tài chính ngân hàng. Trong bối cảnh đó, hơn 2.000 CBNV của OceanBank đã đồng thuận, đoàn kết thực hiện các giải pháp của HĐQT và Ban Điều hành, nhằm giảm thiểu những nguy cơ có thể ảnh hưởng đến sự an toàn và tăng trưởng của hệ thống, nỗ lực phấn

đấu cho một OceanBank phát triển ổn định và bền vững.

Vượt qua khó khăn và tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường tài chính ngân hàng, năm 2012 OceanBank được tạp chí Finance Review Banking (UK) bình chọn là ngân hàng có tốc độ tăng trưởng bán lẻ lớn nhất Việt Nam, tiếp tục thăng hạng trong Top 500 DN lớn nhất Việt Nam; Top 200 DN đóng thuế thu nhập lớn nhất... Bằng sự kết hợp giữa nghiên cứu phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng hợp tác trong và ngoài nước...OceanBank

được khách hàng, đối tác, cổ đông tín nhiệm.

Trước những khó khăn nội tại của nền kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp và ngân hàng, Ban Điều hành OceanBank xác định mục tiêu hoạt động là vừa đảm bảo kinh doanh ổn định, bền vững. Đảm bảo chất lượng tài sản là nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu đối với OceanBank. Điều hành hoạt động kinh doanh có lãi nhưng đồng thời phải luôn chú trọng, nâng cao chất lượng quản trị hệ thống và quản trị rủi ro. Chính vì vậy, trong năm qua, một số chỉ tiêu tài chính về khả năng sinh lời có xu hướng giảm, song tốc độ tăng trưởng nguồn vốn, tổng tài sản của OceanBank vẫn gia tăng. Các chỉ số an toàn vốn, khả năng thanh khoản của OceanBank luôn đảm bảo duy trì ở mức an toàn.

Thực hiện chủ trương HĐQT, Ban Điều hành OceanBank tập trung chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch cơ cấu nợ và xử lý nợ xấu với lộ trình rõ ràng, đồng thời quán triệt tới các đơn vị kinh doanh, gán trách nhiệm của cá nhân với tập thể để nâng cao hiệu quả công việc. OceanBank đã quan tâm nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro, luôn đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Quản trị rủi ro tín dụng cũng đang dần được nâng cao hiệu quả, thực hiện sàng lọc và cơ cấu lại danh mục khách hàng vay, tập trung hướng tới nhóm khách hàng tốt, quản lý danh mục tín dụng và thực hiện phân tích rủi ro tín dụng theo ngành nghề và nhóm khách hàng liên quan.

Năm 2013, OceanBank sẽ tập trung cho chiến lược thương hiệu và chiến lược sản phẩm cốt lõi, mục tiêu là tạo ra sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh cho hoạt động bán lẻ. Chú trọng công tác phát triển và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng cường hợp tác và liên kết với các khách hàng, đối tác để phát huy hiệu quả những tiềm năng và nguồn lực của OceanBank.

Chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông và Quý khách hàng.

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Minh Thu**



## OCEANBANK

Thành lập năm 1993 và chuyển đổi mô hình hoạt động ngân hàng TMCP từ năm 2007, Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) tự hào là Ngân hàng trẻ, năng động, an toàn trong mọi hoạt động, chuyên nghiệp trong quản trị với trình độ chuyên môn cao tiệm cận với các nước đang phát triển; có hệ thống sản phẩm dịch vụ sáng tạo và quy trình hướng tới sự phục vụ khách hàng tốt nhất.

# TỔNG QUAN

T hành lập năm 1993 và chuyển đổi mô hình hoạt động ngân hàng TMCP từ năm 2007, Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) tự hào là Ngân hàng TMCP đa năng, hiện đại, có sự bứt phá về doanh thu, tổng tài sản và vốn điều lệ hàng năm. Năm 2012, vốn điều lệ của ngân hàng là 4.000 tỷ đồng, thiết lập quan hệ đại lý với hơn 300 ngân hàng lớn trên thế giới. Hiện ngân hàng được đánh giá là một trong những ngân hàng có cấu trúc tài chính lành mạnh, an toàn nhất trong hệ thống ngân hàng. Trong năm 2012, Hermes Capital (UK) với nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong các lĩnh vực tư vấn, đầu tư tài chính, ngân hàng tại nhiều quốc gia trên thế giới đã chính thức trở thành cổ đông nước ngoài của OceanBank.

Với hệ thống mạng lưới phát triển sâu rộng - 21 chi nhánh và trên 100 điểm giao dịch trong hệ thống, đội ngũ hơn 2000 CBNV, OceanBank cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng đa năng, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm cư dân, kinh tế vùng miền. Không chỉ cung cấp các dịch vụ ngân hàng truyền thống, OceanBank đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử, tạo ra các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao, bảo mật cho các nhóm khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Đây là những bước đi vững chắc của OceanBank trong việc phấn đấu mục tiêu nằm trong Top 5 Ngân hàng hàng đầu Việt Nam có số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và doanh số giao dịch qua kênh ngân hàng điện tử chiếm tỷ trọng cao nhất trong tương lai, áp dụng những giải pháp công nghệ hàng đầu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Xác định sự phát triển phải gắn liền với lợi ích chung của xã hội, OceanBank luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện: triển khai chương trình từ thiện "Nguồn sáng", chữa và phẫu thuật các bệnh về mắt có khả năng gây mù cho người nghèo trên toàn quốc, tài trợ xây dựng trường, trạm y tế, tài trợ từ thiện cho cháu Trần

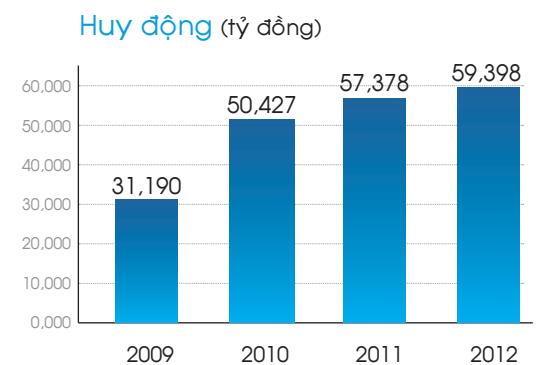
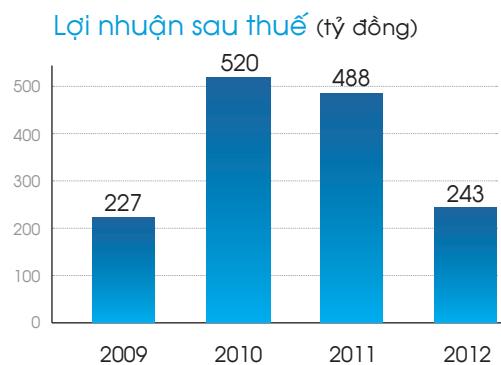
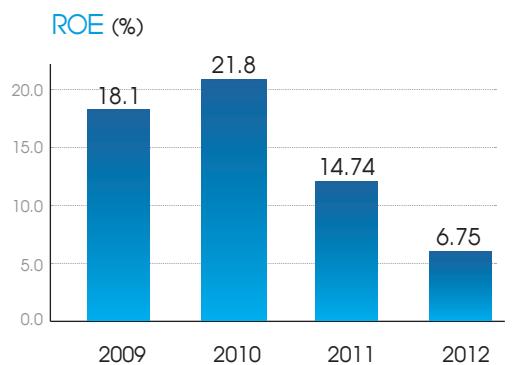
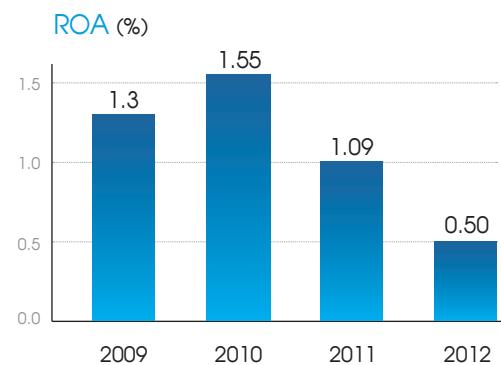
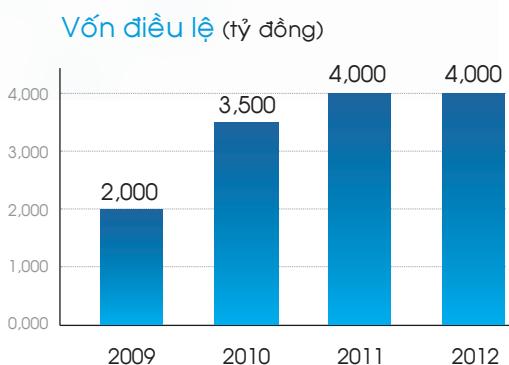
Danh Tùng phẫu thuật do mắc hội chứng Apert, tặng quà cho trẻ em nghèo...

Với các giá trị tạo ra cho khách hàng, cổ đông, xã hội..., OceanBank đã giành được nhiều danh hiệu, giải thưởng, bằng khen của các tổ chức trong nước và quốc tế cho tập thể và cá nhân xuất sắc của ngân hàng, như Ngân hàng bán lẻ có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2012 do tạp chí Global Banking & Finance Review trao tặng; Giải thưởng STP (Straight – Through – Processing) dành cho ngân hàng thanh toán đạt chuẩn cao do Wells Fargo trao tặng 2012; Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500); Top 200 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất...

Thành công của OceanBank được kết tinh từ nhiều yếu tố. Đó là sự nhất quán từ việc xây dựng đường lối, chính sách đến việc thực thi kế hoạch, là sự quyết tâm theo đuổi chiến lược kinh doanh lấy mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm, là sự chủ động trong công tác quản trị, là sự đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên. Và chắc chắn, vị thế của OceanBank có được ngày hôm nay không thể được xây đắp nếu không có sự đồng hành của cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng.

Kiên định thực hiện mục tiêu, OceanBank sẽ tiếp tục nỗ lực phấn đấu trở thành Ngân hàng sáng tạo nhất, quản lý tốt nhất và được khách hàng đánh giá là ngân hàng "hiểu về khách hàng" tốt nhất trong toàn ngành bằng việc nâng cao các sản phẩm dịch vụ, tăng cường hợp tác với các tập đoàn lớn trong và ngoài nước, tích cực đồng hành cùng các doanh nghiệp, chú trọng công tác quản lý đào tạo và phát triển nhân sự, không ngừng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin để đảm bảo hoạt động ổn định và an toàn của hệ thống...

# CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÁC NĂM



	2010	2011	2012
Tổng tài sản	55,138,903,221,015	62,639,316,877,051	64,462,099,428,517
Vốn chủ sở hữu	4,087,343,965,413	4,644,050,596,895	4,484,814,066,103
Vốn điều lệ	3,500,000,000,000	4,000,000,000,000	4,000,000,000,000
Nguồn vốn huy động	50,427,115,648,434	57,377,665,223,615	59,398,157,365,498
Dư nợ cho vay TT1	17,630,960,647,261	19,187,065,606,171	26,240,060,649,543
Tổng doanh thu	4,499,063,309,038	6,694,081,795,108	6,703,916,749,133
Lợi nhuận trước thuế	690,953,836,860	643,393,959,302	310,210,643,641
Lợi nhuận sau thuế	520,421,808,375	487,931,115,362	243,214,308,879
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9.48	11.74	10.36
Dư nợ cho vay TT1/Tổng tài sản (%)	31.98	30.63	42.95
Dư nợ cho vay TT1/Nguồn vốn huy động (%)	34.96	33.44	44.18
Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	1.67	2.08	2.89
ROE (%)	21.8	14.74	6.75
ROA (%)	1.55	1.09	0.50



## TÂM NHÌN

OceanBank hướng tới:

- Trở thành một ngân hàng được khách hàng tin tưởng và lựa chọn thông qua những trải nghiệm từ dịch vụ tốt, sản phẩm đa dạng, các quy trình hướng tới sự phục vụ khách hàng tốt nhất và hệ thống kênh phân phối đa dạng.
- Trở thành một tổ chức mà người lao động muốn lựa chọn để làm việc, vì tại đây mỗi người lao động luôn được tạo điều kiện học tập và phát triển, phát huy hết khả năng và năng lực của mình.
- Trở thành một ngân hàng với nhiều khác biệt thông qua việc cung cấp các giải pháp tài chính phù hợp cho tất cả khách hàng.

## SỨ MỆNH

- Ngân hàng cung cấp giải pháp sáng tạo, các dịch vụ khác biệt hướng tới khách hàng;
- Ngân hàng có hệ thống quản trị hiệu quả nhất trong toàn ngành. Điều này sẽ đạt được thông qua hiệu suất hoạt động, kỹ năng làm việc nhóm và chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;
- Ngân hàng tin cậy dành cho khách hàng, nhân viên và cổ đông;
- Ngân hàng danh tiếng, tăng trưởng kinh doanh vượt bậc cùng với niềm đam mê của đội ngũ nhân viên và chất lượng năng lực lãnh đạo.



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông HÀ VĂN THẮM  
Chủ tịch



Bà VŨ THỊ THANH HƯƠNG  
Phó Chủ tịch



Bà NGUYỄN MINH THU  
Thành viên



Bà LÊ THỊ THU THỦY  
Thành viên



Ông ĐẶNG THẾ TRUYỀN  
Thành viên độc lập



Ông ĐOÀN PHỤNG  
Thành viên

## BAN KIỂM SOÁT



Ông BÙI VĂN HẢI  
Trưởng Ban Kiểm soát



Bà LÊ THỊ MINH NGUYỆT  
Thành viên



Bà NGUYỄN THỊ PHƯỢNG  
Thành viên

## BAN ĐIỀU HÀNH



Bà NGUYỄN MINH THU  
Tổng Giám đốc



Ông LÊ TUẤN ANH  
Phó Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN MẠNH HÀ  
Phó Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN VĂN HOÀN  
Phó Tổng Giám đốc

## Cơ cấu tổ chức



Bà NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG  
Phó Tổng Giám đốc



Bà NGUYỄN THỊ KIỀU LIÊN  
Phó Tổng Giám đốc



Bà NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG  
Phó Tổng Giám đốc



Ông TRẦN THANH QUANG  
Phó Tổng Giám đốc



Bà LÊ THỊ THU THỦY  
Phó Tổng Giám đốc



Ông VÕ VIỆT TRUNG  
Phó Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

## 2012





# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

Năm 2012 được coi là một trong những năm có nhiều thách thức đối với các Ngân hàng TMCP do bối cảnh kinh tế xã hội cả trong nước và trên thế giới đều diễn biến theo chiều hướng không thuận lợi. Cụ thể: Trên thế giới, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế đều giảm ở tất cả các nước, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, nợ công tăng, sức mua giảm sút, và thị trường tài chính toàn cầu tiềm ẩn nhiều rủi ro về sự bùng phát trở lại của nợ công. Ở trong nước, các chính sách của nhà nước nhằm ổn định kinh tế vĩ mô đã phát huy tác dụng nhưng tăng trưởng kinh tế thấp, thị trường bất động sản, chứng khoán và các doanh nghiệp đều gặp khó khăn. Các NH TMCP một mặt phải đổi mới với những thách thức của nền kinh tế, mặt khác phải thích ứng với những biến đổi chính sách từ phía Chính phủ và NHNN như điều chỉnh lãi suất trần huy động và cho vay, các TCTD chưa trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ theo quy định của pháp luật thì chưa được chia cổ tức, lợi nhuận năm 2012...



Trong bối cảnh đó, OceanBank đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong việc củng cố tổ chức, quảng bá thương hiệu, tạo tiền đề cho việc phát triển kinh doanh trong các năm tiếp theo.

## 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2012:

- **Tổng tài sản:** 64.462 tỷ đồng, đạt 95 % kế hoạch, tăng 1.823 tỷ đồng so với năm 2011;
- **Tổng huy động:** 59.398 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch, tăng 2.020 tỷ đồng so với năm 2011;
- **Dư nợ cho vay:** 26.240 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch, tăng 7.053 tỷ đồng so với năm 2011;
- **Lợi nhuận trước thuế:** 310 tỷ đồng, đạt 94 % so với kế hoạch năm 2012;
- **Doanh thu dịch vụ:** 43,4 tỷ đồng, đạt 72 % kế hoạch, giảm 2,6 tỷ đồng so với năm 2011;
- **Tỷ lệ nợ xấu:** 2.89 %, tăng 0.81% so với năm 2011.

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2011	KH 2012	TH 2012	% TH/KH	+/- so với KH	+/- so với 2011
1	Tổng Tài sản	62.639	68.000	64.462	95%	(3.538)	1.823
2	Tổng huy động	57.378	61.300	59.398	97%	(1.902)	2.020
2.1	Huy động từ thị trường 1	38.590	43.000	43.240	101%	240	4.650
	- Huy động dân cư	6.921	12.000	10.906	91%	(1.094)	3.985
	- Huy động TCKT	31.669	29.000	32.334	111%	3.334	665
	- Phát hành giấy tờ có giá	0	2.000	0	0%	(2.000)	0
2.2	Huy động từ thị trường 2	18.788	18.300	16.158	88%	(2.142)	(2.630)
3	Dư nợ	19.187	22.500	26.240	117%	3.740	7.053
	- Ngắn hạn	8.282	12.480	12.086	97%	(394)	3.804
	- Trung, dài hạn	10.905	10.020	14.154	141%	4.134	3.249
4	Lợi nhuận lũy kế	643	330	310	94%	(20)	(-333)
5	Doanh thu dịch vụ	46	60	43,4	72%	(16,6)	(2,6)
6	Lãi /Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	15,4	30	15,8	53%	(14)	0,4
7	Chi phí hoạt động	615	820	694	85%	(126)	79
8	Tỷ lệ nợ xấu	2,08%		2,89%			0,81%

## 2. Kết quả thực hiện các hoạt động kinh doanh chính:

### 2.1 Hoạt động quản lý và huy động vốn:

Trong năm 2012, OceanBank đã xây dựng nhiều sản phẩm và chính sách hấp dẫn thu hút khách hàng nên số dư huy động thị trường 1 không ngừng gia tăng. Kết thúc năm 2012, tổng huy động: 59.398 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch, tăng 2.020 tỷ đồng so với năm 2011; Huy động thị trường 1 đạt 43.240 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch, tăng 4.650 tỷ đồng so với năm 2011 (trong đó huy động dân cư đạt 10.906 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch, tăng 3.985 tỷ đồng

so với năm 2011; huy động tổ chức kinh tế đạt 32.334 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch, tăng 665 tỷ đồng so với năm 2011). Huy động thị trường 2 đạt 16.158 tỷ đồng, đạt 88% kế hoạch, giảm 2.630 tỷ đồng so với năm 2011.

OceanBank cũng đã chú trọng đến công tác quản lý nguồn vốn, thanh khoản. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) cuối năm 2012 đạt 10,36%, các chỉ số về an toàn hoạt động, quản trị thanh khoản trong năm luôn đảm bảo theo quy định của NHNN.

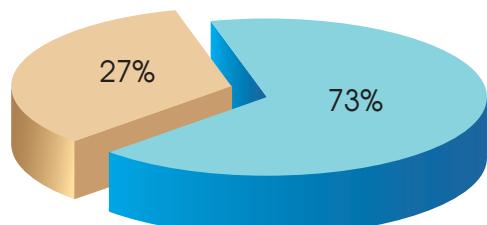
### 2.2. Hoạt động tín dụng:

Trong năm 2012, OceanBank đã xây dựng phần mềm quản lý quy trình cấp tín dụng doanh nghiệp và hộ kinh doanh; thực hiện rà soát thông tin tài khoản vay và hỗ trợ toàn hàng chỉnh sửa, cập nhật thông tin tín dụng của khách hàng trên hệ thống CoreBanking; tiếp tục hoàn thiện quy định và cách xác định, quản lý khách hàng và người có liên quan tại OceanBank trên hệ thống CoreBanking, xây dựng các công cụ chặn/ hạn chế việc giải ngân vượt quá giới hạn cấp tín dụng đối với

một khách hàng/ nhóm khách hàng và người có liên quan.

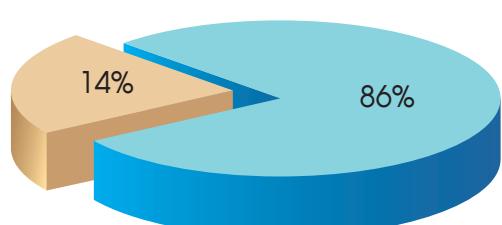
Bên cạnh đó OceanBank tăng cường quản lý rủi ro tín dụng, công tác thẩm định và cho vay theo đúng quy trình và tiêu chí của NHNN. Cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, giảm dần tỷ trọng dư nợ đối với các lĩnh vực không khuyến khích.

Cơ cấu vốn huy động theo khách hàng  
năm 2012:



- Từ Tổ chức tín dụng: 27%
- Từ khách hàng: 73%
- Vốn ủy thác: 0%

Cơ cấu huy động theo loại tiền  
năm 2012:

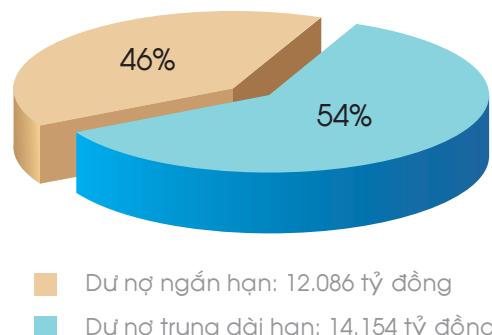


- Huy động theo USD: 14%
- Huy động theo VND: 86%

Kết quả hoạt động tín dụng đến 31/12/2012 như sau:

Tổng dư nợ: 26.240 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch, tăng 7.053 tỷ đồng so với năm 2011 (trong đó dư nợ ngắn hạn: 12.086 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch, tăng 3.804 tỷ đồng so với năm 2011, dư nợ trung, dài hạn: 14.154 tỷ đồng, đạt 141% kế hoạch, tăng 3.249 tỷ đồng so với năm 2011).

#### Cơ cấu dư nợ tín dụng:



#### 2.3 Hoạt động đầu tư:

Năm 2012, OceanBank tập trung thu hồi các khoản ủy thác đầu tư trả chậm, cơ cấu và chuyển nhượng các món đầu tư kém hiệu quả nhằm bảo toàn vốn, giảm thiểu rủi ro và thoát tài sản.



Với mục tiêu đảm bảo an toàn vốn và sinh lời trong bối cảnh kinh doanh vốn trên thị trường 2 hết sức khó khăn, OceanBank đã đẩy mạnh đầu tư trái phiếu có độ an toàn vốn cao và khả năng thanh khoản tốt. Số dư đầu tư trái phiếu tăng mạnh trong năm 2012 đã khiến cho thu từ hoạt động đầu tư trái phiếu tăng 38% so với kế hoạch đề ra (vượt 103 tỷ đồng so với kế hoạch). Đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn đầu tư dài hạn: thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và góp vốn đầu tư dài hạn đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra gần 22 tỷ đồng.



#### *2.4 Hoạt động kinh doanh bán lẻ:*

Năm 2012 là năm phát triển đột phá của OceanBank trong lĩnh vực bán lẻ. Ngân hàng đã chủ động đầu tư khoa học công nghệ hiện đại vào hoạt động bán lẻ, thông qua giao dịch ngân hàng điện tử (Ngân hàng trực tuyến) với các sản phẩm: Easy Online Banking, Easy Mobile Banking, Easy M-Plus Banking, Easy Corporate Banking tích hợp nhiều tiện ích vượt trội đáp ứng tối ưu nhu cầu của khách hàng.

Các sản phẩm áp dụng công nghệ hiện đại và sáng tạo đã tạo ra sức hấp dẫn khách hàng như: Mở tài khoản chỉ bằng 1 tin nhắn, chuyển tiền liên ngân hàng tới số thẻ qua kênh giao dịch Easy M-Plus Banking, kết nối thành công với cổng thanh toán Onepay, cổng thanh toán Ngân lượng và cổng thanh toán Smartlink, thực hiện các dự án nâng cấp hệ thống quản lý

thẻ với việc cho ra đời thẻ Visa Credit Card, cho vay tiêu dùng siêu tốc, phát hành thẻ siêu nhanh trong vòng 5 giây...

Nhờ những sản phẩm sáng tạo và nhiều tiện ích, số lượng khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ của OceanBank đã không ngừng gia tăng. Tính đến hết 31/12/2012, số lượng khách hàng cá nhân đạt hơn 318 nghìn khách hàng, tăng hơn 150 nghìn khách hàng so với cuối năm 2011. Đặc biệt hơn nữa, với những nỗ lực trong quá trình hoạt động, OceanBank được tạp chí Global Banking & Finance Review (Anh) bình chọn là "Ngân hàng bán lẻ có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2012" (Fastest Growing Retail Bank Vietnam 2012).

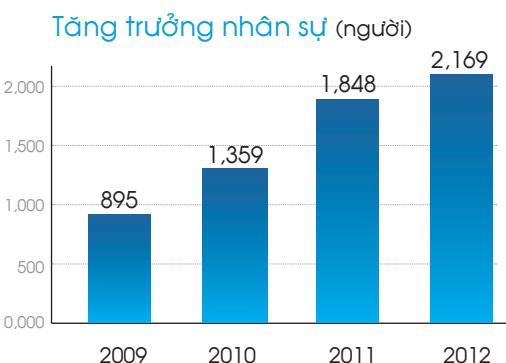
### 3. Kết quả thực hiện các hoạt động khác:

#### 3.1 Công tác Quản trị rủi ro:

Trong năm 2012, OceanBank từng bước chuẩn hóa cơ cấu của Khối Quản trị Rủi ro (QTRR) mang tính thực tiễn và khả thi, gồm: Quản trị rủi ro thị trường có vai trò tư vấn trong việc đưa ra các quyết sách kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường và giúp các đơn vị kinh doanh triển khai hoạt động an toàn, hiệu quả; Quản trị rủi ro tín dụng thực hiện sàng lọc và cơ cấu lại danh mục khách hàng vay, tập trung hướng tới nhóm khách hàng tốt, quản lý danh mục tín dụng và thực hiện phân tích rủi ro tín dụng theo ngành nghề và nhóm khách hàng liên quan. Bên cạnh đó, Ngân hàng đang nghiên cứu, xây dựng bộ khung quy định quản trị rủi ro hoạt động, quy trình báo cáo rủi ro hoạt động theo phương pháp luận khoa học, có tính thực tiễn cao khi đưa vào áp dụng và đảm bảo 10 nguyên tắc vàng trong quản trị rủi ro hoạt động do Ủy ban Basel khuyến nghị (gồm quy trình báo cáo dấu hiệu rủi ro hoạt động, quy trình báo cáo sự cố rủi ro hoạt động và quy trình báo cáo các giao dịch bất thường, nghi ngờ).

#### 3.2 Công tác nhân sự:

Tính đến 31/12/2012, OceanBank có 2.169 CBNV trên toàn hệ thống, tăng thêm 321 người so với năm 2011, tỷ lệ tăng trưởng nhân sự là 17,4% so với năm 2011. Trong năm 2012, OceanBank đã triển khai đồng bộ các dự án như Dự án nghiên cứu lương (HAY GROUP), Dự án Xây dựng KPIs (HERMES & ORACLE), Dự án Đổi mới (HERMES),



bên cạnh đó để nâng cao hiệu quả trong thực hiện quản lý và đánh giá công việc, OceanBank đã triển khai Dự án Phần mềm Quản lý và đánh giá công việc. Các Dự án nghiên cứu này được kỳ vọng sẽ giúp Ban Lãnh đạo Ngân hàng tiếp cận gần hơn với người lao động, vừa để lắng nghe tâm tư nguyện vọng của cán bộ nhân viên, vừa góp phần tăng cường công tác quản lý nhân sự, nâng cao hiệu quả, năng lực làm việc.

### *3.3 Thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu:*

Trong chiến lược tái cấu trúc ngân hàng, thương hiệu là một trong những nội dung quan trọng được đưa vào nghiên cứu, xây dựng và đổi mới. Tái cấu trúc thương hiệu OceanBank để gia tăng hiệu quả trong thời kỳ kinh tế suy thoái dựa trên định vị của hiện tại và tương lai trong bối cảnh mới với nhiều thách thức nhưng cũng bao hàm những cơ hội. Nguyên tắc của tái cấu trúc thương hiệu là hướng tới những giá trị cốt lõi cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cán bộ nhân viên và cộng đồng xã hội.

Năm 2012, OceanBank đã phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn quốc tế thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu. OceanBank lựa chọn đổi mới bộ nhận diện thương hiệu theo hướng hài hòa và hiện đại hơn, tạo được sự lan tỏa về hình ảnh và sự trải nghiệm của khách hàng. Đổi mới mang tính chất tự thân để phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội, như là sự nối dài các chặng đường phát triển, để thương hiệu OceanBank tiếp tục lan tỏa và được xã hội ghi nhận. Đến nay, bộ nhận diện thương hiệu mới đã hoàn chỉnh và dự kiến chính thức công bố ra ngoài công chúng trong năm 2013. Hàng loạt PGD thiết kế theo nhận diện thương hiệu mới và mô hình mới cũng sẽ được chính thức đưa vào hoạt động.

### *3.4 Duy trì tốt và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác lớn*

Năm 2012, OceanBank tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ, triển khai các thỏa thuận hợp tác toàn diện với đơn vị trong ngành Dầu khí. Trên cơ sở đó, OceanBank đã tạo ra sự liên thông, hiệu quả trong quá trình thanh toán, chuyển tiền giữa Tập đoàn Dầu khí và các đơn vị thành viên, khách hàng được nhanh chóng, thuận tiện. Ngoài ra, OceanBank nghiên cứu triển khai mở rộng hệ thống khách hàng là các đơn vị



thành viên, đại lý/Tổng đại lý của PVFCCo, PETEC, Ban QLDA ĐLĐK Thái Bình 2 và Tổng công ty Xây lắp dầu khí... Mở rộng việc phát triển khai thác, cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng lớn là Viglacera, Vietnam Airlines...

### *3.5 Hoạt động thanh toán*

Phát huy những kết quả đã đạt được trong những năm trước, cùng với những cải tiến không ngừng của hệ thống phần mềm, 100% giao dịch thanh toán của OceanBank đã được xử lý an toàn, chính xác. OceanBank đã được Ngân hàng Wells Fargo trao tặng giải thưởng ngân hàng có điện tử đạt chuẩn cao trong liền ba năm từ 2010 đến 2012.

Năm 2012, hệ thống các ngân hàng đại lý tiếp tục được mở rộng trên khắp thế giới (tính đến thời điểm 31/12/2012, số lượng ngân hàng đại lý của OceanBank đạt 328 ngân hàng) đã hỗ trợ tích cực cho việc xử lý giao dịch và góp phần quảng bá rộng rãi thương hiệu OceanBank.

### *3.6 Mở rộng mạng lưới, kênh giao dịch*

Thực hiện theo kế hoạch về triển khai mở mới CN trong năm 2012, OceanBank đã chủ động trong việc lập hồ sơ xin cấp phép và chuẩn bị kế hoạch về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động các CN mới là Ninh Bình, Hà Nam, Hưng Yên, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Nam Định. Hiện nay hồ sơ cấp phép đã được NHNN/UBND tại các địa phương, NHNN Hải Dương thông qua và đang trình NHNN TW. Bên cạnh đó, ngân hàng đã tiến hành chuyển đổi được 10 CN/PGD sang hoạt động tại địa điểm mới. Các chi nhánh được thành lập trên cơ sở định hướng chiến lược lâu dài của ngân hàng và đặc biệt coi trọng ở tính hiệu quả và tính liên kết, tạo thành một chuỗi cung cấp dịch vụ hoàn chỉnh, tiện lợi, tạo ra những lợi ích nhóm cao nhất cho những khách hàng sử dụng các dịch vụ của OceanBank trong cùng khu vực.

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số Chi nhánh là 21 chi nhánh bao gồm 101 điểm giao dịch. Ngoài các kênh giao dịch truyền thống, OceanBank còn tập trung mở rộng và hoàn thiện hệ thống ATM, POS, trong năm đã lắp đặt mới thêm 24 POS, 18 ATM nâng tổng số thiết bị chấp nhận thẻ đến 31/12/2012 là 283 POS và 124 ATM đang hoạt động.

Số lượng thẻ phát hành đến 31/12/2012 lũy kế đạt 179.112 thẻ, bao gồm 152.801 thẻ ghi nợ nội địa, 4.443 thẻ ghi nợ quốc tế, 21.868 thẻ trả trước.

### *3.7 Xây dựng hình ảnh thân thiện gắn với cộng đồng:*

Năm 2012, OceanBank đã tài trợ kinh phí xây dựng các công trình an sinh xã hội như xây dựng trạm xá, trường học, nhà tình nghĩa, khu vui chơi cho thiếu nhi... Song song với hoạt động tài trợ này, OceanBank cũng dành một kinh phí đáng kể để thực hiện các chương trình từ thiện trong lĩnh vực y tế. Tiêu biểu là chương trình từ thiện Nguồn sáng - chương trình phẫu thuật các bệnh về mắt có khả năng gây mù lòa cho bệnh nhân nghèo trên toàn quốc, tặng quà cho các trẻ em ở các trung tâm bảo trợ trẻ em nghèo, tài trợ trên 1 tỷ đồng chữa hội chứng Apert tại Hàn Quốc cho cháu Trần Danh Tùng, xây dựng trạm y tế cho nhân dân... Từ hội sở đến các chi nhánh thông qua những hoạt động từ thiện thiết thực, OceanBank đã thể hiện được trách nhiệm, tình cảm đối với cộng đồng, giúp cho thương hiệu của Ngân hàng ngày càng trở nên gần gũi và thân thiện hơn trong mắt khách hàng.

# THÀNH TÍCH VÀ SỰ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI NĂM 2012





- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2012 (VNR500) do Công ty Cổ phần báo cáo Đánh giá Việt Nam xếp hạng;
- Top 100 Doanh nghiệp Tư nhân Lớn nhất Việt Nam 2012 do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam, Báo VietNamNet xếp hạng;
- Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam, Báo VietNamNet phối hợp cùng tạp chí Thuế tổ chức xếp hạng;
- Top 200 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất 2012 - FAST 500 Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam, Báo VietNamNet xếp hạng;
- Bằng khen về công tác chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế 2011 do Bộ trưởng Bộ Tài chính trao tặng theo quyết định số 1201/QĐ-BTC ngày 16/05/2012;
- Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam tỏa sáng dành tặng Tổng giám đốc NH TMCP Đại Dương – Bà Nguyễn Minh Thu do Trung Ương Hội chữ Thập đỏ VN trao tặng;
- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam dành tặng Ông Bùi Văn Hải – Trưởng Ban Kiểm soát và Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Phó Tổng giám đốc do Ngân hàng Nhà nước trao tặng;
- Danh hiệu Doanh nhân Trẻ, Nhà Quản lý trẻ Dầu khí tiêu biểu năm 2012 dành tặng Phó TGĐ Nguyễn Thị Minh Phương do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia VN trao tặng.

# CÔNG TÁC TỪ THIỆN XÃ HỘI NĂM 2012

Xác định sự phát triển của mình phải gắn liền với lợi ích chung của xã hội, năm 2012, OceanBank tích cực tham gia các hoạt động xã hội, chia sẻ khó khăn với những cảnh đời bất hạnh, tài trợ kinh phí xây dựng các công trình an sinh xã hội hướng tới mục tiêu xây dựng hình ảnh thân thiện gắn với hoạt động cộng đồng.

## 1. Tài trợ xây dựng các công trình an sinh xã hội:

- Tháng 01/2012, OceanBank tổ chức khởi công xây dựng công trình Nhà văn hóa Đức La tại xã Đức Thọ, Hà Tĩnh. Công trình được OceanBank tài trợ với tổng mức đầu tư hơn 1,7 tỷ đồng đã được hoàn tất và đưa vào sử dụng trong năm 2012.

- Cũng trong năm 2012 OceanBank dành 3 tỷ đồng để tài trợ cho công trình tu bổ di tích Truông Bồn tại tỉnh Nghệ An.

- Tiếp tục cho chương trình từ thiện Nguồn sáng được khởi động từ năm 2011, năm 2012 OceanBank đã tài trợ phẫu thuật mổ mắt cho bệnh nhân Nguyễn Thanh Tâm tại bệnh viện Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tháng 11/2012, Ngân hàng TMCP Đại Dương trao số tiền 40.000 USD (tương đương 834.400.000 đồng) tài trợ cho ca mổ phẫu thuật hộp sọ tại Hàn Quốc cho cháu Trần Danh Tùng, cháu bé không may mắn bị hội chứng Apert.

## 2. Tham gia các chương trình từ thiện do các đơn vị, tổ chức phối hợp thực hiện:

- Tháng 1/2012, hưởng ứng chương trình "Tết vì người nghèo" của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, OceanBank đã tặng 1000 suất quà (tổng giá trị 300 triệu đồng) thông qua Ủy ban TWMTTQ Bắc Giang để giúp người nghèo tại tỉnh có cái Tết Nhâm Thìn an lành ấm áp.

- Tháng 4/2012: OceanBank và tam ca Sao Mai tổ chức liveshow "Ngày đổi gió" trích quỹ tặng quà cho các mẹ có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Bắc Giang. Qua chương trình, OceanBank tặng 10 sổ tiết kiệm trị giá 10 triệu đồng cho các mẹ Việt Nam anh hùng tại tỉnh Bắc Giang.

- Tháng 7/2012: OceanBank kết hợp với Báo Pháp luật Việt Nam tặng 30 suất quà trị giá 30 triệu đồng dành tặng thanh niên xung phong,





nạn nhân chất độc da cam và nạn nhân bom tại Thị trấn Khe Sanh , Hướng Hóa, Quảng Trị.

### **3. Tích cực đóng góp cho các Quỹ từ thiện:**

- Ủng hộ Quỹ "Nạn nhân chất độc da cam Dioxin"
- Ủng hộ Quỹ vì người nghèo tại Cà Mau
- Tài trợ kinh phí Quỹ Viêm gan B bệnh viện Đại học Y Hà Nội.
- Tài trợ Quỹ học bổng "Thắp sáng niềm tin".
- Ủng hộ Quỹ vì người nghèo tỉnh Hải Dương
- Đóng góp xây dựng Quỹ Quốc phòng An ninh tại Phường 1 - Vũng Tàu.

### **4. Chủ động triển khai các hoạt động tình nguyện, từ thiện:**

- Tháng 6/2012, nhân dịp Tết Trung thu, Đoàn Thanh niên OceanBank tổ chức từ thiện cho trẻ em tại bệnh viện Nhi Trung ương và bệnh viện U biển.Tại nhiều Chi nhánh, Đoàn thanh niên đã tổ chức thăm và tặng quà cho các trẻ em cơ nhỡ tại các Trung tâm bảo trợ xã hội.

- Tháng 7/2012, Công đoàn và Đoàn thanh niên phát động quyên góp ủng hộ, trao quà các hộ chính sách, gia đình thương binh tại nhiều địa phương trên cả nước thông qua phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Đoàn thanh niên OceanBank còn tổ chức chương trình tình nguyện mùa hè xanh tại Bắc Giang với nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa.

- Trong năm 2012, OceanBank triển khai nhiều hoạt động từ thiện có ý nghĩa như: Đầu tư các địa phương xây dựng nông thôn mới tại Hà Tĩnh, Tài trợ học bổng cho các em sinh viên trường Đại học Dầu khí, Ủng hộ các tiểu thương trong vụ cháy chợ Quảng Ngãi; Ủng hộ nhân dân Nông Cống (Thanh Hóa) trong đợt lũ lụt, Ủng hộ chiến sỹ Trường Sa, Giúp đỡ làm nhà tình nghĩa và phòng chống bão lụt tại Hà Tĩnh...

## 10 SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2012



OceanBank đã trải qua một năm trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế Việt Nam cũng như của toàn cầu. Sự quyết tâm và nỗ lực phấn đấu của Ban Lãnh đạo Ngân hàng cũng như toàn thể cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống đã tạo cho OceanBank một vị thế vững chắc trong các tổ chức tín dụng của Việt Nam. Những kết quả đã đạt được trong năm 2012 đánh dấu bước phát triển quan trọng của Ngân hàng đồng thời tạo ra những tín hiệu lạc quan để hy vọng năm 2013 OceanBank sẽ vươn lên tầm cao mới.

1

## Đổi mới toàn diện

Một trong những mảng hoạt động lớn xuyên suốt của OceanBank năm 2012 là phối hợp với Hermes Capital UK để thực hiện dự án Đổi mới - dự án kéo dài liên tục đến năm 2015. Trong năm 2012, những mảng công việc quan trọng nhất trong dự án là thay đổi cơ cấu tổ chức, công tác quản trị... đã được hoàn tất, tạo nền tảng cho phát triển ngân hàng bền vững hiệu quả.

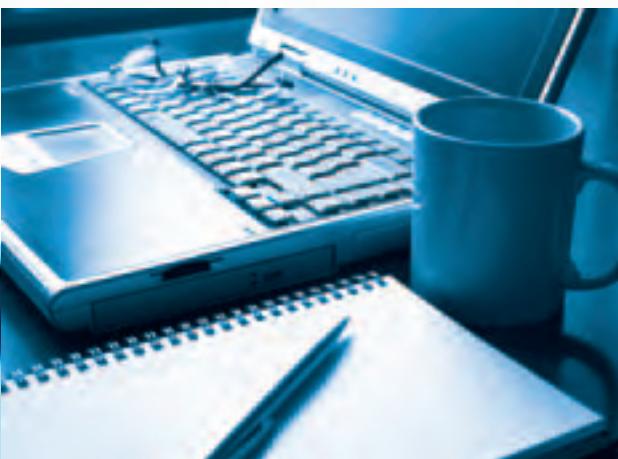
Ngân hàng cũng gấp rút triển khai một loạt sự thay đổi từ hình ảnh nhận diện đến văn hóa bán hàng... Việc OceanBank thực hiện thay đổi nhận diện thương hiệu là để tiếp sức thương hiệu, đồng bộ với quá trình tái cấu trúc của ngân hàng, tạo ra lợi thế cạnh tranh của OceanBank ở thị trường tài chính trong nước và tiếp sức cho OceanBank trong việc hội nhập và thâm nhập vào nền tài chính khu vực Châu Á và thế giới.



2

## Thay đổi cơ cấu tổ chức phù hợp với định hướng chiến lược

Để hiện thực hóa chiến lược từ nay đến năm 2015, OceanBank sẽ trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu ở Việt Nam, giữ vị trí số một trong một số lĩnh vực và vươn ra quốc tế, trong năm 2012 OceanBank đã thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng. Cơ cấu mới gồm: Đại Hội đồng cổ đông, HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc (BĐH), HĐQT đã thành lập 06 Ủy Ban làm nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Văn phòng HĐQT được tiếp tục duy trì. HĐQT điều hành trực tiếp hoạt động của ngân hàng thông qua BĐH và 6 Ủy ban, BKS đã thành lập Kiểm toán nội bộ chuyên trách. Đồng thời thành lập 19 Khối, đơn vị thuộc BĐH để thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và hỗ trợ kinh doanh. BĐH điều hành trực tiếp các chi nhánh, phòng giao dịch và thông qua 19 Khối, đơn vị và các Hội đồng trực thuộc.





3

### Tăng cường hợp tác với các Tập đoàn lớn trong và ngoài nước

Năm 2012, OceanBank tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ, phát triển khai thác và cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng lớn là Viglacera, Vietnam Airlines, Vinalines, SCTV, Vietnam Railway... Ngoài ra, OceanBank mở rộng việc triển khai các thỏa thuận hợp tác toàn diện với các đơn vị trong ngành Dầu khí.

Bên cạnh việc tăng cường hợp tác với các Tập đoàn lớn trong nước, năm 2012 OceanBank đã có thêm một cổ đông nước ngoài là Hermes Capital UK - Tập đoàn đầu tư uy tín từ Vương quốc Anh. Hợp tác chiến lược giữa đối tác nước ngoài và OceanBank sẽ giúp ngân hàng gia tăng sức mạnh tài chính, nâng cao năng lực quản trị, đổi mới hình ảnh thương hiệu, đa dạng hóa chất lượng dịch vụ...

4

### Đột phá trong phát triển sản phẩm ngân hàng bán lẻ

Năm 2012 là năm bùng nổ của OceanBank trong việc tập trung vào mảng ngân hàng bán lẻ với những bước tiến khác biệt thông qua giao dịch ngân hàng điện tử. OceanBank đã triển khai thành công bộ sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử Easy tích hợp nhiều tiện ích vượt trội đáp ứng tối ưu nhu cầu của khách hàng.

Một loạt các dịch vụ tiện ích, các gói sản phẩm cho khách hàng áp dụng công nghệ hiện đại đã được triển khai và được đón nhận như: Mở tài khoản chỉ bằng 1 tin nhắn, chuyển tiền liên ngân hàng qua số thẻ, kết nối thành công với cổng thanh toán Onepay, Ngân lượng và Smartlink, phát hành thẻ Visa Credit Card... Ngân hàng cũng triển khai hàng loạt các sản phẩm sáng tạo: cho vay tiêu dùng siêu tốc, phát hành thẻ siêu nhanh trong 5 giây... Các sản phẩm này đều gắn với giao dịch điện tử, tạo sự đơn giản và thuận tiện cho khách hàng trong quá trình sử dụng.

Với mục tiêu trở thành ngân hàng được khách hàng tin tưởng và lựa chọn, OceanBank đang mang đến cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ tiện ích, quy trình tập trung vào khách hàng, sản phẩm sáng tạo, hệ thống kênh phân phối đa dạng cùng chính sách chăm sóc khách hàng tận tâm.



5

## Đồng hành cùng doanh nghiệp

Ngay từ đầu năm 2012, Ban điều hành OceanBank xác định tập trung nâng cao chất lượng tín dụng và năng lực quản trị hệ thống, nắn dòng tín dụng vào những lĩnh vực hiệu quả, lựa chọn 4 lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ để đẩy mạnh cho vay. Trước dự báo lãi suất giảm, OceanBank đã sớm đồng hành cùng doanh nghiệp bằng việc áp dụng các chương trình ưu đãi, như chương trình cho vay ưu đãi đối với các doanh nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), hợp tác xã, hộ kinh doanh... hoạt động trong 4 lĩnh vực ưu tiên với lãi suất ưu đãi nhằm phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh.

Các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn để bổ sung vốn lưu động, ưu tiên các doanh nghiệp vay vốn để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế cần khuyến khích theo định hướng của Chính phủ và NHNN còn được vay vốn VND với lãi suất siêu thấp 6,8%/năm tại OceanBank. Đồng thời, ngân hàng vẫn tiếp tục thực hiện nhiều ưu đãi về lãi suất, phí đối với các dịch vụ ngân hàng như: tài khoản thanh toán, thanh toán quốc tế, bảo lãnh ngân hàng...

6

## Nhận được nhiều giải thưởng uy tín

Ghi nhận những thành tích nổi bật trong hoạt động kinh doanh của OceanBank và đóng góp tích cực của OceanBank đối với sự phát triển của ngành ngân hàng, trong năm 2012, nhiều tổ chức uy tín trong nước và quốc tế đã bình chọn và trao giải cho OceanBank. Có thể kể đến các giải thưởng và danh hiệu uy tín như "Ngân hàng bán lẻ có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam" do Tạp chí Global Banking & Finance Review trao tặng; Giải Straight – Through – Processing Award cho ngân hàng thanh toán đạt chuẩn cao do Ngân hàng Mỹ Wells Fargo trao tặng; Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2012; Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Năm 2012, OceanBank cũng vinh dự được NHNN xếp nhóm I trong hệ thống ngân hàng.

Lãnh đạo OceanBank cũng nhận được nhiều giải thưởng uy tín: Chủ tịch HĐQT Hà Văn Thắm nhận bằng khen "Doanh nhân giỏi xuất sắc", TGĐ Nguyễn Minh Thu nhận giải thưởng Phụ nữ Việt Nam tỏa sáng...

## 7

### Tăng cường công tác quản lý, đào tạo và phát triển nhân sự

Tính đến 31/12/2012, OceanBank có 2.169 CBNV trên toàn hệ thống, tăng thêm 321 người so với năm 2011. Trong năm 2012, OceanBank đã triển khai đồng bộ các dự án như Dự án nghiên cứu lương Dự án Xây dựng KPIs, Dự án Đổi mới, Dự án Phần mềm Quản lý và đánh giá công việc. Bên cạnh đó để nâng cao hiệu quả trong thực hiện quản lý và đánh giá công việc, Khối NS&ĐT cũng đã phối hợp với UBNS xây dựng kế hoạch phát triển và quản trị nhân sự hiệu quả bao gồm 3 nhóm công việc chính là Xây dựng và hoàn thiện các quy định nhân sự, Nâng cao công tác quản trị nhân sự, Mở rộng nguồn và chủ động trong công tác tuyển dụng.

Thực hiện định hướng của Ngân hàng đến năm 2015 sẽ trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam và sẵn sàng vươn ra thế giới, OceanBank rất chú trọng đến công tác đào tạo, đào tạo lại nghiệp vụ cho hầu hết CBNV trong Ngân hàng giúp cho CBNV tiếp cận, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, ngoại ngữ, am hiểu với nhiều sản phẩm, dịch vụ ngân hàng... Đặc biệt trong năm 2012, công tác chuẩn bị nhân sự mới cho các PGD thí điểm theo nhận diện thương hiệu mới cũng được Khối Nhân sự và Đào tạo hết sức quan tâm. Các khóa học đào tạo kiến thức, kỹ năng chung cho tất cả cán bộ nhân viên tại các PGD, đào tạo kiến thức, kỹ năng theo từng loại chức danh cho cán bộ nhân viên 3 PGD thí điểm theo nhận diện thương hiệu mới tại 18 Ngô Quyền, Starcity Lê Văn Lương và Trung Yên Plaza đã được triển khai cho các PGD trước ngày khai trương.



## 8

### Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện

Song song với việc tài trợ xây dựng các công trình an sinh xã hội, năm 2012 OceanBank cũng dành một phần kinh phí đáng kể để thực hiện các chương trình từ thiện trong lĩnh vực y tế.. Tiếp tục cho chương trình từ thiện Nguồn sáng được triển khai trong năm 2011, năm 2012 OceanBank đã tài trợ phẫu thuật mổ mắt thành công cho bệnh nhân Nguyễn Thanh Tâm tại bệnh viện Thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt năm nay, Ngân hàng đã dành số tiền lớn là 40.000 USD (tương đương 834.400.000 đồng) để tài trợ cho ca mổ phẫu thuật hộp sọ tại Hàn Quốc cho cháu Trần Danh Tùng- một cậu bé không may mắc phải hội chứng Apert. OceanBank cũng đã chủ động triển khai các phong trào từ thiện hết sức có ý nghĩa như: thăm và tặng quà các bệnh nhân ở bệnh viện Nhi TW, tặng quà cho các trẻ em ở các trung tâm bảo trợ trẻ em nghèo, tặng quà cho thanh niên xung phong và những nạn nhân bị nhiễm chất độc màu da cam... Từ Hội sở đến các chi nhánh thông qua những hoạt động từ thiện thiết thực những thành viên trong ngôi nhà OceanBank có dịp được thể hiện trách nhiệm, tình cảm đối với cộng đồng.

9

## Nhiều hoạt động phong trào sôi nổi

Năm 2012 OceanBank đã phát động được nhiều phong trào đoàn thể có ý nghĩa, tạo không khí làm việc sôi nổi toàn hàng như các chương trình "Trả thù lao khi giới thiệu khách hàng mới", "Giới thiệu khách hàng mới mở sổ tiết kiệm" ... Ngoài các phong trào thi đua trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh các hoạt động phong trào như văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cũng đã được các CBNV tham gia sôi nổi tạo nên thế mạnh của OceanBank. Đội văn nghệ của OceanBank tham gia tích cực trong nhiều sự kiện do Ngân hàng tổ chức: Hội nghị Hội An, Gala Khát vọng mùa xuân Tham gia Tham gia các chương trình giao do Đoàn Tập đoàn tổ chức ... ; Đội bóng của OceanBank tham gia nhiều giải phong trào và đạt được những thành tích đáng kể. Đoàn thanh niên OceanBank cũng đã ra quân với các hoạt động từ thiện hết sức có ý nghĩa trên mọi miền Tổ quốc. Đặc biệt trong năm nay OceanBank đã tổ chức thành công Đại hội Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh lần I (Nhiệm kỳ 2012-2014), Đại hội công đoàn khóa VII nhiệm kỳ 2012- 2012 mở ra bước phát triển mới OceanBank nói chung, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên nói riêng.



10

## Công nghệ thông tin

Năm 2012 hạ tầng truyền thông công nghệ thông tin của OceanBank được xây dựng và nâng cấp liên tục nhằm đảm bảo hoạt động ổn định và an toàn của hệ thống. Gần 100% số nghiệp vụ của OceanBank được xử lý bằng máy tính ở các mức độ khác nhau. Ngân hàng tiếp tục phát triển và ứng dụng những công nghệ hiện đại để gia tăng giá trị dịch vụ, đồng thời mở rộng kết nối tới tất cả khách hàng bằng việc tham gia sâu hơn trong các quy trình kinh doanh, phát triển các dịch vụ, sản phẩm mới và hỗ trợ kiểm soát rủi ro dựa trên nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin vững chắc và tin cậy. Điều đặc biệt, phần lớn những ứng dụng này đều do Khối Ứng dụng và phát triển ngân hàng tự phát triển và xây dựng.

Bên cạnh việc đầu tư các trang thiết bị, phần mềm nhằm tăng cường khả năng bảo mật hệ thống của các hảng bảo mật uy tín như Cisco, Checkpoint, IBM, Juniper OceanBank cũng lên kế hoạch triển khai các hệ thống quản lý an ninh thông tin theo các tiêu chuẩn quốc tế. Ngân hàng đã ký hợp đồng tư vấn, triển khai hệ thống an ninh thông tin cho các giao dịch thẻ theo tiêu chuẩn PCI-DSS và dự kiến sẽ nhận được chứng chỉ trong quý 1 năm 2013. OceanBank cũng đã xây dựng kế hoạch triển khai hệ thống an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001 vào năm 2013.

# ĐỊNH HƯỚNG 2013





# KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

Năm 2013 theo dự báo tiếp tục là một năm khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế châu Á nói riêng trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới hiện đang chịu tác động của một số yếu tố tiêu cực như quá trình tái cấu trúc nợ ở châu Âu, tốc độ tăng trưởng chậm lại của Trung Quốc và những vấn đề tài chính khó khăn của Mỹ.

Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam không tránh khỏi những khó khăn, thách thức như kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, áp lực tăng lạm phát vẫn còn khá lớn, việc thực hiện các chính sách nhằm ổn định kinh tế vĩ mô sẽ gây những khó khăn nhất định đối với tăng trưởng kinh tế.

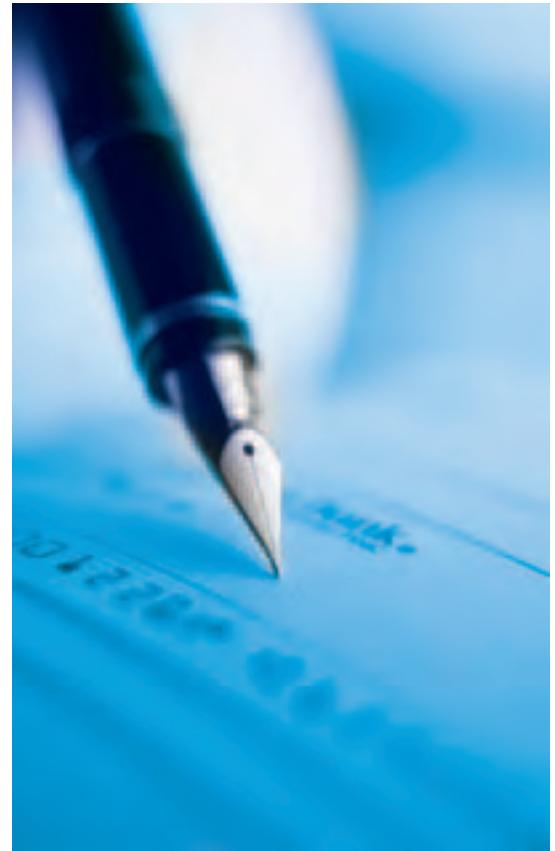
Thị trường tài chính nói chung và ngành ngân hàng nói riêng trong năm 2013 tiếp tục được dự báo là một năm ảm đạm với tình hình nợ xấu chưa có dấu hiệu cải thiện, các ngân hàng phải cạnh tranh gay gắt để duy trì và mở rộng cơ sở khách hàng nhằm đảm bảo nguồn thu trong năm 2013. Tuy vậy, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành OceanBank xác định đây là cơ hội để tiếp tục khẳng định vị thế của mình trên thị trường ngân hàng tài chính Việt Nam.

## 1. Định hướng mục tiêu kế hoạch 2013:

- Thay đổi và xây dựng hình ảnh nhận diện thương hiệu, định vị OceanBank là một ngân hàng bán lẻ hiện đại, chuyên nghiệp.

- Xử lý nợ xấu tồn đọng, giảm nợ quá hạn từ hoạt động tín dụng bằng các biện pháp, giải pháp vĩ mô mà NHNN, Chính phủ cho phép cũng như các giải pháp của Ngân hàng, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng tín dụng của từng đơn vị và toàn hàng.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức phân theo Khối nhằm nâng cao vai trò quản lý theo ngành dọc của các Khối, đặc biệt là các Khối kinh doanh.



- Tiếp tục tập trung triển khai trên diện rộng các sáng kiến kinh doanh nhằm đẩy mạnh về doanh số, mở rộng cơ sở khách hàng nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững và hiệu quả.
- Tăng thị phần thu nhập từ phí trên tổng thu nhập thông qua rà soát và xây dựng mới các sản phẩm dịch vụ có thu phí, nâng dần tỷ trọng thu nhập từ phí trên tổng thu nhập.
- Phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng chuyên biệt, ứng dụng công nghệ mới mang lại tiện ích và giá trị gia tăng cao cho khách hàng. Đặc biệt ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động bán lẻ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, gia tăng giá trị thương hiệu và giá tăng khách hàng lựa chọn sử dụng dịch vụ.
- Tiếp tục xây dựng và phát triển, tiêu chuẩn hóa các bộ sản phẩm chủ lực cho từng đối tượng khách hàng, từng thị trường mục tiêu.
- Nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của mạng lưới phân phối trên các thị trường trọng điểm. Đồng thời tạo đột phá lớn trong kênh phân phối điện tử nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng.
- Xây dựng và thực hiện chính sách lương thưởng cho cán bộ nhân viên hướng theo công sức đóng góp vào thành quả của đơn vị, Ngân hàng. Mức lương thưởng đảm bảo luôn ở mức trung bình chung của thị trường và cạnh tranh so với NHTM khác.

## 2. Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2013:

- Tổng tài sản đến cuối năm 2013 đạt: 65.270 tỷ đồng
- Huy động vốn từ Khách hàng: cuối năm 2013 đạt 45.540 tỷ đồng
- Dư nợ cấp tín dụng: 37.522 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 216 tỷ đồng
- Thu dịch vụ thuần/ Tổng thu nhập hoạt động thuần: 2%
- Vốn điều lệ: 5.350 tỷ đồng
- Cổ tức trên mỗi cổ phiếu: 2.44%
- Tỷ lệ Nợ 3-5: <3%, hệ số an toàn vốn CAR > 9%
- Tổng trích lập dự phòng dự kiến năm 2013 là 742 tỷ đồng
- Mở thêm 19 Chi nhánh và điểm giao dịch mới tại các khu vực trọng điểm.
- Số lượng khách hàng cá nhân đạt khoảng 500.000 khách hàng (tăng khoảng 190.000 khách hàng)

Đơn vị: tỷ đồng

STT		TH 2012	KH 2013	Chênh lệch	Tăng trưởng
I	Tổng Tài sản	64,462	65,270	808	1%
II	Tổng huy động	59,398	58,790	-608	-1%
2.1	Huy động từ thị trường 1	43,240	45,540	2,300	5%
	- Huy động dân cư	10,906	14,500	3,594	33%
	- Huy động TCKT	3,312	6,750	3,438	104%
	- Huy động KHL & ĐTCL	29,022	24,290	-4,732	-16%
2.2	Huy động từ thị trường 2	16,158	13,250	-2,908	-18%
III	Dư nợ cấp tín dụng	33,502	37,522	4,020	12%
IV	Lợi nhuận trước trích lập	778	958	180	23%
V	Chi phí trích lập DPRR	468	742	274	59%
VI	Lợi nhuận trước thuế, sau trích lập DPRR	310	216	-94	-30%

## Các hoạt động kinh doanh cụ thể:

- **Huy động vốn:** Tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn đảm bảo ổn định nguồn vốn tạo đà cho phát triển tổng tài sản và các dịch vụ khác của Ngân hàng như xây dựng các chính sách, sản phẩm mới phong phú, đa dạng nhằm cạnh tranh với các ngân hàng khác, đưa ra các hình thức khuyến mại hấp dẫn để thu hút tiền gửi tiết kiệm của người dân.

- **Tín dụng:** Tập trung nâng cao chất lượng tín dụng, thực hiện cam kết và giải ngân trên khả năng nguồn vốn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, phân loại tín dụng, trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định của NHNN, không ngừng củng cố quan hệ hợp tác tốt đẹp với các đơn vị đã triển khai dịch vụ, tiếp cận, mở rộng các

quan hệ đối tác ở các đơn vị trong ngành Dầu khí, đặc biệt là các đơn vị có năng lực SXKD tốt: BSR, PVEP, PVI ... nhằm xây dựng và củng cố hình ảnh, thương hiệu OceanBank uy tín, chuyên nghiệp đối với các đối tác chiến lược.

- **Hoạt động đầu tư:** Tăng cường công tác giám sát quản lý đầu tư, cơ cấu lại danh mục đầu tư theo định hướng giảm bớt đầu tư ngắn hạn, thu gọn những hoạt động đầu tư không thực sự hiệu quả, thanh lý những khoản nắm giữ dài hạn không sinh lợi nhuận và có rủi ro cao. Hạn chế mở rộng đầu tư sang những lĩnh vực không gắn kết với lợi ích lâu dài của ngân hàng và những lĩnh vực chịu ảnh hưởng nhiều bởi tình hình kinh tế vĩ mô. Tăng cường tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những dự án được đánh giá hiệu quả trong ngành dầu khí.



**- Tập trung khai thác mảng bán lẻ** cho khách hàng cá nhân, tăng tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ và đem đến cho khách hàng những tiện ích tốt nhất.

**- Công tác tổ chức và phát triển nguồn nhân lực:** Nâng cao chất lượng tuyển dụng, thực hiện quản lý và quy hoạch cán bộ phù hợp với chiến lược quản trị nguồn nhân lực. Xây dựng chế độ đánh giá quá trình công tác hàng quý đối với đội ngũ cán bộ quản lý cũng như chuyên viên để từ đó làm căn cứ để bạt, nâng lương cho những cán bộ có năng lực, hoàn thành xuất sắc công việc. Nghiên cứu và thực hiện giao quỹ lương cho các đơn vị trong toàn hàng đảm bảo quyền lợi của người lao động và phù hợp với mặt bằng chung.

**- Phát triển mạng lưới, kênh phân phối:** Tiếp tục triển khai các kế hoạch phát triển chi nhánh

đã thực hiện từ 2012, chủ động xây dựng kế hoạch từ đầu năm để quyết tâm mở rộng mạng lưới trong năm 2013 thêm 19 Chi nhánh tại các tỉnh, thành lớn, các trung tâm kinh tế và vùng trọng điểm kinh tế.

# MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH/PGD

## HÀ NỘI

### OCEANBANK Hà Nội

48 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng  
Tel:04.39366868 Fax:04.39365929

### OCEANBANK Ba Đình

63A Hàng Bún, Ba Đình  
Tel:04.37346617 Fax:04.37346582

### OCEANBANK Hoàn Kiếm

18 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm  
Tel:04.39429907 Fax:04.39429910

### OCEANBANK Thụy Khuê

235 đường Lạc Long Quân,  
Nghĩa Đô, Cầu Giấy  
Tel:04.37726789 Fax:04.37726957

### OCEANBANK Thanh Nhàn

176-178 Kim Ngưu, Hai Bà Trưng  
Tel:04.39725795 Fax:04.39725794

### OCEANBANK Hai Bà Trưng

125C Lò Ðúc, Hai Bà Trưng  
Tel:04.39725793 Fax:04.39725792

### OCEANBANK Âu Cơ

33 Âu Cơ, Tây Hồ  
Tel:04.37186982 Fax:04.37185476

### OCEANBANK Tây Hồ

16 Yên Phụ, Tây Hồ  
Tel:04.37152156 Fax:04.37152123

### OCEANBANK Long Biên

Số 73 Nguyễn Sơn, Long Biên  
Tel:04.38726932 Fax:04.38726933

### OCEANBANK Đào Duy Anh

Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa  
Tel:04.3574.6638 Fax:04.3577.2025

### OCEANBANK Minh Khai

308D, Minh Khai, Hai Bà Trưng,  
Tel:04.36321016 Fax:04.36321017

### OCEANBANK Tràng Tiền

Số 35 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm  
Tel:04.39369004 Fax:04.39368967

### OCEANBANK Giải Phóng

1111 đường Giải Phóng, Hoàng Mai  
Tel:04.36649985 Fax:04.36649985

### OCEANBANK Linh Đàm

Số 9 – Lô BT1 đường Nguyễn Hữu  
Thọ, Khu đô thị Bắc Linh Đàm,  
Hoàng Mai  
Tel:04.35401576 Fax:04.35401577

### OCEANBANK Bạch Mai

390 Bạch Mai, Hai Bà Trưng  
Tel:04.36276057 Fax:04.36276058

### OCEANBANK Lê Duẩn

269 Lê Duẩn, Hai Bà Trưng  
Tel:04.39410955 Fax:04.39410956

### OCEANBANK Quốc Tử Giám

13A Quốc Tử Giám, Đống Đa  
Tel:04.37326000 Fax:04.37326001

### OCEANBANK Hoàng Mai

Số 311, Đường Đền Lừ, Hoàng Mai  
Tel:04 36342923 Fax:04 3634 2924

### OCEANBANK Khâm Thiên

91 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội  
Tel:04.35161940 Fax:04.35161941

### OCEANBANK Lê Văn Hưu

76A Lê Văn Hưu, Hai Bà Trưng  
Tel:04.9447853 Fax:04.9447854

### OCEANBANK Bát Tràng

Xóm 3, làng Bát Tràng, xã Bát Tràng  
Tel:04.36715125 Fax:04 36715126

### OCEANBANK Thăng Long

18 Láng Hạ, Đống Đa  
Tel:04.37726000 Fax:04.37725967

### OCEANBANK Đông Đô

239 Xuân Thủy, Cầu Giấy  
Tel:04.37868958 Fax:04.37868957

### OCEANBANK Nguyễn Chí Thanh

18 Nguyễn Chí Thanh, Ba Đình  
Tel:04.37247100 Fax:04.37247101

### OCEANBANK Phạm Ngọc Thạch

2B Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa  
Tel:04.35746652 Fax:04.35746653

### OCEANBANK Trung Yên

Số 1 Trung Hòa, Khu đô thị Trung  
Yên, Cầu Giấy  
Tel:04.37678136 Fax:04.37678135

### OCEANBANK Lạc Long Quân

395 Lạc Long Quân, Tây Hồ  
Tel:04.37592102 Fax:04.37592103

### OCEANBANK Đội Cấn

195B Đội Cấn, Đội Cấn, Ba Đình  
Tel:04.37347716 Fax:04.37347717

### OCEANBANK Đào Tấn

11 Đào Tấn, Ba Đình  
Tel:04.37668391 Fax:04.37668392

### OCEANBANK Đống Đa

120M2 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa  
Tel:04.37730860 Fax:04.37730859

### OCEANBANK Hoàng Quốc Việt

135 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy  
Tel:04.37931457 Fax:04.37931458

### OCEANBANK Thái Thịnh

55 - Thái Thịnh II, Phố Thái Thịnh,  
Đống Đa  
Tel:04.35666125 Fax:04.35666124

### OCEANBANK Hà Đông

415, Quang Trung, Hà Đông  
Tel: 04.33512220 Fax:04.33512230

**OCEANBANK Lý Thường Kiệt**

Tòa nhà Hà Nội Tourist, Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm  
Tel:04.39387376 Fax:04.39387377

**OCEANBANK Dầu Khí**

Tầng 1, Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, 173 Trung Kính, Cầu Giấy  
Tel:04 37823389 Fax:04 37823390

**OCEANBANK Trương Định**

339 Trương Định, phường Tương Mai, Hoàng Mai  
Tel:04.36629016 Fax:04.36629015

**OCEANBANK Mỹ Đình**

Lô 20, Nhà BT1E, TT4, Mỹ Đình Sông Đà, Từ Liêm  
Tel:04.37877925 Fax:04.37877923

**HẢI DƯƠNG****OCEANBANK Hải Dương**

199 Nguyễn Lương Bằng, Tp. Hải Dương  
Tel:0320.3892146 Fax:0320.3894369

**OCEANBANK Trần Phú**

109 Trần Phú, Tp. Hải Dương  
Tel:0320.3858849 Fax:0320.3858849

**OCEANBANK Quang Trung**

51 Quang Trung, Tp. Hải Dương  
Tel:0320.3845373 Fax:0320.3845373

**OCEANBANK Chí Linh**

132, Nguyễn Trãi , Phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh  
Tel:0320.3589300 Fax:0320.3586603

**OCEANBANK Gia Lộc**

Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc  
Tel:0320.3716349 Fax:0320.3716349

**OCEANBANK Thanh Miện**

Số 26 Phố Lê Bình, TT Thanh Miện, huyện Thanh Miện  
Tel:0320.3731668 Fax:0320.3731668

**OCEANBANK Phạm Ngũ Lão**

1A Phạm Ngũ Lão, Tp. Hải Dương  
Tel:0320.3855 761 Fax:0320.3859 735

**OCEANBANK Nguyễn Trãi**

Số 2 Hoàng Hoa Thám, Phường Nguyễn Trãi, Tp. Hải Dương  
Tel:0320.3844319 Fax:0320.3844319

**OCEANBANK Tứ Kỳ**

Tầng 1, Trung tâm Viễn thông Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ  
Tel:0320.3747196 Fax:0320.3747196

**OCEANBANK Ninh Giang**

Số 93 khu 6, Thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang  
Tel:0320.3767059 Fax:0320.3767059

**OCEANBANK Bình Giang**

160 Trần Hưng Đạo, TT Kẻ Sặt, huyện Bình Giang  
Tel:0320.3775778 Fax:0320.3775778

**OCEANBANK Cầu Ràm**

Bưu điện Cầu Ràm, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương  
Tel:0320.3549600 Fax:0320.3549601

**HẢI PHÒNG****OCEANBANK Hải Phòng**

Số 418-418A-420 đường Tô Hiệu, phường Trần Nguyên Hãn, Lê Chân  
Tel:0313715555 Fax:0313786878

**OCEANBANK Đà Nẵng**

213 đường Đà Nẵng, Phường Cầu Tre, Quận Ngũ Quyền  
Tel:031.3565696 Fax:031.3565279

**OCEANBANK Lạch Tray**

219 C Lạch Tray, Phường Đống Quốc Bình, Quận Ngũ Quyền  
Tel:031.326 1998 Fax:031.326 1629

**QUẢNG NINH****OCEANBANK Quảng Ninh**

Tổ 66, Khu 3, Phường Hồng Gai, Tp. Hạ Long  
Tel:033.3518890 Fax:033.3518900

**OCEANBANK Uông Bí**

Tổ 43, Khu 12, phường Quang Trung, Tp. Uông Bí  
Tel:033.3565958 Fax:033.3565956

**OCEANBANK Cẩm Phả**

Số 48, Đường Tô Hiệu, Phường Cẩm Trung, Tp. Cẩm Phả  
Tel:033.3939588 Fax:033.3939890

**OCEANBANK Mạo Khê**

Số 46- 48, khu Vĩnh Thông, thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều  
Tel:033.3586 465 Fax:033.3586469

# MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH/PGD

## BẮC GIANG

### OCEANBANK Bắc Giang

Số 151, đường Hùng Vương, Tp. Bắc Giang  
Số 151, đường Hùng Vương, Tp. Bắc Giang  
Tel:0240.3822999 Fax:0240.3523689

### OCEANBANK Nguyễn Thị Lưu

Số 02 Nguyễn Thị Lưu, Tp. Bắc Giang  
Số 02 Nguyễn Thị Lưu, Tp. Bắc Giang  
Tel:0240.3822688/822668  
Fax:0240.3720068

## NGHỆ AN

### OCEANBANK Vinh

Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh  
Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh  
Tel:038.8600288 Fax:038.8600388

### OCEANBANK Phương Đông

Số 218, Lê Duẩn, phường Trưởng Thi, Tp. Vinh  
Số 218, Lê Duẩn, phường Trưởng Thi, Tp. Vinh  
Tel:038.8600599 Fax:038.8600799

### OCEANBANK Lê Hồng Phong

Số 93 đường Lê Hồng Phong, Tp. Vinh  
Số 93 đường Lê Hồng Phong, Tp. Vinh  
Tel:038.8600489 Fax:038.8600589

### OCEANBANK Nguyễn Trãi

Số 223 đường Nguyễn Trãi, phường Quán Bàu, Tp. Vinh  
Số 223 đường Nguyễn Trãi, phường Quán Bàu, Tp. Vinh  
Tel:038.3512599 Fax:038.3513799

### OCEANBANK Bến Thủy

Số 9, đường Nguyễn Văn Trỗi, Tp. Vinh  
Số 9, đường Nguyễn Văn Trỗi, Tp. Vinh  
Tel:038.8688599 Fax:038.8688799

## ĐÀ NẴNG

### OCEANBANK Đà Nẵng

Số 80-82 Hàm Nghi, phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
Số 80-82 Hàm Nghi, phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
Tel:0511.3898787 Fax:0511.3898784

### OCEANBANK Ông Ích Khiêm

106 Ông Ích Khiêm, Phường Tam Thuận, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng  
106 Ông Ích Khiêm, Phường Tam Thuận, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng  
Tel:0511.3531935 Fax:0511.3531936

### OCEANBANK Dầu Khí

Tòa nhà PVFC, đường 30/4, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
Tòa nhà PVFC, đường 30/4, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
Tel:0511.3780767 Fax:0511.3780666

### OCEANBANK Cẩm Lệ

60 Ông Ích Đường, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng  
60 Ông Ích Đường, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng  
Tel:05113695445 Fax:05113695444

### OCEANBANK Sơn Trà

Số 150 Nguyễn Công Trứ, Q.Sơn Trà, TP Đà Nẵng  
Số 150 Nguyễn Công Trứ, Q.Sơn Trà, TP Đà Nẵng  
Tel:0511. 3815347 Fax:0511. 3815345

## QUẢNG NGÃI

### OCEANBANK Quảng Ngãi

Số 55 - 57 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quảng Ngãi  
Số 55 - 57 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quảng Ngãi  
Tel:055.3715888 Fax:055.3715886

### OCEANBANK Hùng Vương

Số 227 Lê Trung Đỉnh, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quảng Ngãi  
Số 227 Lê Trung Đỉnh, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quảng Ngãi  
Tel:055.3714946 Fax:055.3714945

### OCEANBANK Dung Quất

Tòa nhà Petrosetco, thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn  
Tòa nhà Petrosetco, thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn  
Tel:055.3614888 Fax:055.3614887

## TP HỒ CHÍ MINH

### OCEANBANK Sài Gòn

185 - 187 Nguyễn Thái Học, Quận 1  
185 - 187 Nguyễn Thái Học, Quận 1  
Tel:08.62913299 Fax:08.62913298

### OCEANBANK Bến Nghé

68 Ngõ Đức Kế, Quận 1  
68 Ngõ Đức Kế, Quận 1  
Tel:08.39151845 Fax:08.39151830

### OCEANBANK Nguyễn Văn Trỗi

Tầng 3, 144 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận  
Tầng 3, 144 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận  
Tel:08.38475678 Fax:08.38424554

### OCEANBANK Hoàng Văn Thủ

298 Hoàng Văn Thủ, Quận Tân Bình  
298 Hoàng Văn Thủ, Quận Tân Bình  
Tel:08.39484498 Fax:08.39484497

### OCEANBANK Trương Định

149B Trương Định, Phường 9, Quận 3  
149B Trương Định, Phường 9, Quận 3  
Tel:08.35262222 Fax:08.35262000

### OCEANBANK Lê Duẩn

1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Tel:08.39110251 Fax:08.39100792

### OCEANBANK Trần Não

67 Trần Não, Phường Bình An, Quận 2  
67 Trần Não, Phường Bình An, Quận 2  
Tel:08.37407739 Fax:08.37407707

### OCEANBANK Lý Thái Tổ

Số 506-508 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10  
Số 506-508 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10  
Tel:08.39270779 Fax:08.39274889

### OCEANBANK TP Hồ Chí Minh

Số 117-119-121 đường Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1  
Số 117-119-121 đường Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1  
Tel:08.35210300 Fax:08.35210301

### OCEANBANK Quận 7

47-49 Nguyễn Thị Thập, Khu đô thị mới Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
47-49 Nguyễn Thị Thập, Khu đô thị mới Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Tel:08.62983719 Fax:08.62983725



#### OCEANBANK Tân Phú

Số 475D Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú  
Tel:08.38160320 Fax:08.38160420

#### OCEANBANK Cách Mạng Tháng 8

Số 739 Cách Mạng Tháng 8,  
Phường 6, Quận Tân Bình, TP HCM  
Tel:08.39771662 Fax:08.39771663

#### OCEANBANK Tân Bình

Số 72 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình  
Tel:08.38118596 Fax:08.38118595

#### OCEANBANK Mạc Đĩnh Chi

số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1  
Tel:08.35218453 Fax:08.35218452

#### OCEANBANK Phú Mỹ Hưng

Tầng trệt tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Tel:08.54160670 Fax:08.54160671

#### BÀ RỊA VŨNG TÀU

OCEANBANK Vũng Tàu  
29 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Tp. Vũng Tàu  
Tel:064.3515599 Fax:064.3515566

#### OCEANBANK Nguyễn Thái Học

08-G3 Nguyễn Thái Học, phường 7, Tp. Vũng Tàu  
Tel:064.3597938 Fax:064.3597929

#### OCEANBANK Nam Kỳ Khởi Nghĩa

238 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu  
Tel:064.3513189 Fax:064.3513188

#### OCEANBANK Rạch Dừa

430 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp. Vũng Tàu  
Tel:064.3627757 Fax:064.3627759

#### CÀ MAU

#### OCEANBANK Cà Mau

Số 13A đường Hùng Vương, phường 7, Tp. Cà Mau  
Tel:0780.3540072 Fax:0780.3540035

#### CẦN THƠ

#### OCEANBANK Cần Thơ

06 Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Tel:0710.3735835 Fax:0710.3735830

#### HÀ TĨNH

##### OCEANBANK Hà Tĩnh

Tòa nhà BMC, Số 2 Phan Đình Phùng, phường Nam Hà, Tp. Hà Tĩnh  
Tel:039. 3777729 Fax:039. 3777792

##### OCEANBANK Kỳ Anh

Khối phố Hưng Hòa, thị trấn Kỳ Anh  
Tel:0393 721668 Fax:0393 721667

##### OCEANBANK Nguyễn Chí Thanh

73 Nguyễn Chí Thanh, Tp. Hà Tĩnh  
Tel:0393.777656 Fax:0393.777676

#### BÌNH DƯƠNG

##### OCEANBANK Bình Dương

339, Đại Lộ Bình Dương, phường Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Đức Một  
Tel:0650.3857888 Fax:0650.3857688

#### THANH HÓA

##### OCEANBANK Thanh Hóa

103-105, Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, Tp. Thanh Hóa  
Tel:0373.915388 Fax:0373.915008

#### KHÁNH HÒA

##### OCEANBANK Nha Trang

Số 53 phố Yersin, Tp. Nha Trang  
Tel:058.3822288 Fax:058.3811177

#### ĐỒNG NAI

##### OCEANBANK Đồng Nai

Số 229-231 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa  
Tel:061.8871111 Fax: 061.8877111

#### BÌNH ĐỊNH

##### OCEANBANK Quy Nhơn

Số 70 Lê Duẩn, Tp. Quy Nhơn  
Tel:056.3522688 Fax:056.3522689

#### THÁI BÌNH

##### OCEANBANK Thái Bình

Số 134 Trần Thái Tông, phường Bồ Xuyên, Tp. Thái Bình  
Tel:036.3658888 Fax:036.3848222



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

## 2012

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (gọi tắt là "Ngân hàng") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	
Ông Hà Văn Thắm	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Phụng	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Thu	Thành viên
Ông Mai Văn Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2012)
Ông Đặng Thế Truyền	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2012)
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2012)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	
Bà Nguyễn Minh Thu	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Việt Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012)

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Minh Thu  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 18 tháng 3 năm 2013

# Deloitte.

**Số hiệu báo cáo: Số 649/ Delloite - AUDHN - RE**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Kính gửi: Các cổ đông*

*Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc*

*Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương*

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (gọi tắt là "Ngân hàng") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

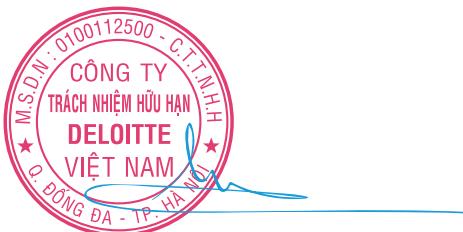
### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 7, Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 11 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng nắm giữ các khoản tiền gửi, dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu của Ngân hàng đối với Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin") và một số công ty thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, trong năm 2012, căn cứ vào văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước về xem xét khoanh nợ, cơ cấu lại các khoản nợ của Vinashin và cho phép tổ chức tín dụng được trích lập dự phòng cụ thể phù hợp với khả năng tài chính của tổ chức tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện ý kiến chỉ đạo, giữ nguyên trạng thái nợ hiện tại, thoái toàn bộ lãi dự thu và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ và phải thu trên phù hợp với khả năng tài chính của Ngân hàng.



Trưởng Anh Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

*Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM*

*Ngày 18 tháng 3 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

Nguyễn Tuấn Anh  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2012	2011
A.	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt	5	183.872.462.000	291.556.406.039
II.	Tiền gửi tại NHNN	6	3.573.424.096.537	586.334.746.836
III.	Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	7	15.330.212.257.263	24.217.086.225.731
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác		13.892.737.288.513	24.217.086.225.731
2.	Cho vay các TCTD khác		1.448.337.500.000	-
3.	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		(10.862.531.250)	-
IV.	Chứng khoán kinh doanh	10	32.066.239.276	137.664.743.722
1.	Chứng khoán kinh doanh		52.142.851.259	240.603.305.143
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	12	(20.076.611.983)	(102.938.561.421)
V.	Cho vay khách hàng		25.564.979.455.018	18.955.669.015.033
1.	Cho vay khách hàng	8	26.240.060.649.543	19.187.065.606.171
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(675.081.194.525)	(231.396.591.138)
VI.	Chứng khoán đầu tư	11	14.489.073.858.888	10.990.739.774.742
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		13.766.965.197.931	10.210.638.628.359
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		892.939.510.957	939.162.906.203
3.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	12	(170.830.850.000)	(159.061.759.820)
VII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	568.263.069.537	576.896.734.855
1.	Vốn góp liên doanh		68.756.767.146	68.756.767.146
2.	Đầu tư dài hạn khác		520.973.301.042	508.139.967.709
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(21.466.998.651)	-
VIII.	Tài sản cố định		231.609.311.367	232.216.611.827
1.	Tài sản cố định hữu hình	14	130.014.535.188	129.765.465.445
a.	Nguyên giá TSCĐ		208.365.929.841	180.237.176.586
b.	Hao mòn TSCĐ		(78.351.394.653)	(50.471.711.141)
2.	Tài sản cố định vô hình	15	101.594.776.179	102.451.146.382
a.	Nguyên giá TSCĐ		126.097.988.306	117.748.349.916
b.	Hao mòn TSCĐ		(24.503.212.127)	(15.297.203.534)
IX.	Tài sản Có khác		4.488.598.678.631	6.651.152.618.266
1.	Các khoản phải thu	16	1.914.438.648.011	3.854.291.001.433
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		2.389.901.075.406	1.966.477.779.987
3.	Tài sản Có khác	17	230.446.021.609	893.516.124.318
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	18	(46.187.066.395)	(63.132.287.472)
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>			<b>64.462.099.428.517</b>	<b>62.639.316.877.051</b>

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2012	2011
B.	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
I.	<b>Chiết khấu giấy tờ có giá với NHNN</b>		<b>2.921.284.795.929</b>	<b>967.489.581.219</b>
II.	<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>19</b>	<b>13.237.016.579.735</b>	<b>17.520.283.017.018</b>
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		9.737.876.579.735	17.520.283.017.018
2.	Vay các TCTD khác		3.499.140.000.000	-
III.	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>20</b>	<b>43.239.855.989.834</b>	<b>38.589.892.625.378</b>
IV.	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>		-	<b>4.933.280.000</b>
V.	<b>Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>		-	<b>300.000.000.000</b>
VI.	<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>21</b>	<b>579.127.996.916</b>	<b>612.667.776.541</b>
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		488.172.257.404	478.353.042.119
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác		64.197.084.687	113.429.603.490
3.	Dự phòng rủi ro khác	<b>9</b>	26.758.654.825	20.885.130.932
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>59.977.285.362.414</b>	<b>57.995.266.280.156</b>
VII.	<b>Vốn và các quỹ</b>	<b>22</b>	<b>4.484.814.066.103</b>	<b>4.644.050.596.895</b>
1.	Vốn của TCTD		4.002.955.516.400	4.002.955.516.400
a.	Vốn điều lệ		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
b.	Thặng dư vốn cổ phần		2.916.370.000	2.916.370.000
c.	Vốn khác		39.146.400	39.146.400
2.	Quỹ của TCTD		236.096.841.462	150.616.565.770
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		245.761.708.241	490.478.514.725
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>64.462.099.428.517</b>	<b>62.639.316.877.051</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	2012	2011
		VND	VND
I.	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	2.388.072.691.615	2.789.617.404.019
1.	Bảo lãnh vay vốn	15.000.000.000	25.000.000.000
2.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	924.175.097.689	1.505.108.092.573
3.	Cam kết trong giao dịch hối đoái	-	4.933.280.000
4.	Bảo lãnh khác	1.448.897.593.926	1.254.576.031.446



Nguyễn Minh Thu  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Nga  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Hiền  
Người lập

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2012	2011
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	6.404.273.557.690	6.428.069.375.641
I.	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>1.620.362.528.592</b>	<b>1.594.554.513.612</b>
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		43.401.907.143	46.048.215.063
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		27.554.530.957	30.633.448.416
II.	<b>(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>25</b>	<b>15.847.376.186</b>	<b>15.414.766.647</b>
III.	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và đánh giá tỷ giá ngoại tệ	26	30.142.995.938	(48.487.740.531)
IV.	Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	36.338.111.001	(73.740.294.199)
V.	(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	(18.289.775.588)	(50.717.788.110)
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	28	70.565.768.945	77.664.228.009
6.	Chi phí hoạt động khác	29	331.139.187.315	91.587.284.085
VI.	<b>(Lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>		<b>(260.573.418.370)</b>	<b>(13.923.056.076)</b>
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		48.582.382.980	22.991.435.769
VIII.	Chi phí hoạt động	30	694.346.637.740	614.699.977.392
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		778.063.562.999	831.391.859.720
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	467.852.919.358	187.997.900.418
XI.	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>310.210.643.641</b>	<b>643.393.959.302</b>
7.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	66.996.334.762	155.462.843.940
XII.	<b>Chi phí thuế TNDN</b>		<b>66.996.334.762</b>	<b>155.462.843.940</b>
XIII.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>243.214.308.879</b>	<b>487.931.115.362</b>
XIV.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>32</b>	<b>608</b>	<b>1.286</b>



Nguyễn Minh Thu  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Nga  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Hiền  
Người lập

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	CHỈ TIÊU	2012	2011
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận	5.675.327.329.092	5.556.150.145.340
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(4.774.091.813.813)	(4.791.827.290.758)
03.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	15.847.376.186	15.414.766.647
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	73.024.070.609	(112.771.065)
05.	Thu nhập khác	34.170.471.443	57.478.887.797
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	10.779.043.366	41.183.431.937
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(636.172.270.823)	(813.517.284.171)
08.	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(122.521.726.627)	(180.173.488.409)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>276.362.479.433</b>	<b>(115.403.602.682)</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		<b>(13.626.099.355.983)</b>	<b>(7.230.943.404.197)</b>
09.	(Tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	(6.142.532.058.804)	(6.263.872.451.613)
10.	(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	(2.695.975.381.692)	(1.408.959.574.609)
11.	(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(7.052.995.043.372)	(1.556.104.958.910)
12.	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(119.924.756.582)	59.408.490.030
13.	Giảm khác về tài sản hoạt động	2.385.327.884.467	1.938.585.090.905
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>		<b>1.953.720.917.343</b>	<b>6.929.013.728.344</b>
14.	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN	1.953.795.214.710	(95.026.114.406)
15.	(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	(4.283.266.437.283)	11.437.100.389.332
16.	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	4.649.963.364.456	(3.747.932.699.745)
17.	(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(300.000.000.000)	(643.592.000.000)
18.	(Giảm)/Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(4.933.280.000)	4.933.280.000
19.	(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(34.389.498.551)	(5.244.642.958)
20.	Chi từ quỹ của các tổ chức tín dụng	(27.448.445.989)	(21.224.483.879)
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(11.396.015.959.207)</b>	<b>(417.333.278.535)</b>

STT CHỈ TIÊU	2012	2011
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
01. Mua sắm tài sản cố định	(36.478.391.645)	(76.411.545.165)
02. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(12.833.333.333)	(145.239.659.698)
03. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	400.000.000
04. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	48.582.382.980	22.991.435.769
<b>II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>82.545.207.597</b>	<b>(198.259.769.094)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	-	500.000.000.000
02. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(200.000.000.000)	(385.000.000.000)
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(200.000.000.000)</b>	<b>115.000.000.000</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(11.513.470.751.610)</b>	<b>(500.593.047.629)</b>
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	17.536.638.187.410	18.037.231.235.039
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm</b>	<b>6.023.167.435.800</b>	<b>17.536.638.187.410</b>

### Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền

STT CHỈ TIÊU	2012	2011
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ (*)	183.872.462.000	291.556.406.039
Tiền gửi tại NHNN (*)	3.573.424.096.537	586.334.746.836
Tiền gửi tại các TCTD khác (**)	1.640.203.538.513	16.658.747.034.535
Chứng khoán do các TCTD khác phát hành (***)	625.667.338.750	-
<b>6.023.167.435.800</b>	<b>17.536.638.187.410</b>	

(\*) Số dư tiền mặt tại quỹ và tiền gửi tại NHNN được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5 và số 6 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

(\*\*) Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác là các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

(\*\*\*) Chứng khoán do các TCTD khác phát hành là các chứng chỉ tiền gửi có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.



Nguyễn Minh Thu  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Ngà  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Hiền  
Người lập

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 1. THÔNG TIN CHUNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Quyết định số 257/QĐ/NH5 ngày 30 tháng 12 năm 1993 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800006089 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, vốn điều lệ của Ngân hàng là 4.000 tỷ VND.

Hội sở chính của Ngân hàng được đặt tại số 199 Nguyễn Lương Bằng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng bao gồm:

- Kinh doanh tiền tệ, huy động vốn để cho vay;
- Kinh doanh vàng bạc đá quý, ngoại tệ (khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép);

- Kinh doanh các dịch vụ thanh toán chi trả tiền nhanh đối với khách hàng;
- Ủy thác và nhận ủy thác vốn để cho vay;
- Các dịch vụ khác khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép;
- Làm đại lý thu đổi ngoại hối cho các tổ chức tín dụng khác;
- Kinh doanh vàng theo quy định hiện hành của pháp luật;
- Hoạt động cung ứng các dịch vụ ngoại hối (cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế; thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ trên thị trường nước ngoài).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số nhân viên tại Ngân hàng là 2.169 người (31 tháng 12 năm 2011: 1.848 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín

dụng tại Việt Nam, và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. HƯỚNG DẪN TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 21 tháng 01 năm 2013, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 02/2013/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt

động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này thay thế Chỉ thị số 05/2005/CT-NHNN ngày 26 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi

ro theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Quyết định số 780/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007

về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005. Thông tư số 02/2013/TT-NHNN sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Ngân hàng.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tài sản tài chính của Ngân hàng bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác, cho vay khách hàng, chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu, các khoản lãi và phí phải thu, các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản có khác.

### **Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Ngân hàng bao gồm các khoản chiết khấu giấy tờ có giá với NHNN, tiền gửi và vay các TCTD khác, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro, công cụ tài chính phái sinh, các khoản lãi, phí phải trả và các khoản phải trả và công nợ khác.

### **Ghi nhận ban đầu**

#### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

## **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## **Các khoản đầu tư**

### **Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán vốn không có mục đích kiểm soát doanh nghiệp và chứng khoán nợ do Chính phủ, các tổ chức tín dụng (TCTD) khác và các tổ chức kinh tế (TCKT) phát hành. Các loại chứng khoán được Ngân hàng nắm giữ nhằm mục đích hưởng chênh lệch giá và nắm giữ trong thời gian không quá 1 năm được phân loại là chứng khoán kinh doanh; các loại chứng khoán mà Ngân hàng có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn; các chứng khoán khác được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được phân loại theo hướng dẫn tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước và được trình bày theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán này được trích lập theo quy định tại Công văn trên và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, đối với chứng khoán vốn đã niêm yết, Ngân hàng sẽ đánh giá

giá trị khoản đầu tư theo giá thị trường vào ngày lập báo cáo tài chính; đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết và có giao dịch trên thị trường, Ngân hàng đã thực hiện thu thập báo giá trực tiếp của ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn hơn 300 tỷ VND tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán để làm cơ sở đánh giá giá trị khoản đầu tư. Khi giá thị trường tăng lên, lợi nhuận sẽ được bù trừ nhưng không được vượt quá khoản dự phòng đã được trích lập trước đó. Phần chênh lệch sẽ không được ghi nhận như là thu nhập cho tới khi chứng khoán được bán.

### **Đầu tư dài hạn**

Đầu tư dài hạn bao gồm các chứng khoán vốn và các khoản đầu tư vào các Dự án có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành khi Ngân hàng đánh giá được tổn thất có thể xảy ra của hoạt động đầu tư. Theo đó, đối với các khoản đầu tư dài hạn có dấu hiệu suy giảm giá trị, Ngân hàng thực hiện thu thập thông tin tài chính của các khoản đầu tư đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính và xác định giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư tương ứng với phần vốn góp Ngân hàng nắm giữ tại các khoản đầu tư này, cùng với xét đoán, đánh giá tổn thất có thể xảy ra đến hết năm tài chính để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư. Trong trường hợp không có thông tin tài chính của các khoản đầu tư đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Ngân hàng dựa vào thông tin mới nhất mà Ngân hàng có thể thu thập được để xem xét lập dự phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### **Ghi nhận**

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác tại ngày Ngân hàng ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kế toán theo ngày giao dịch).

## **Đo lường**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua bán các chứng khoán đầu tư được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

## **Dừng ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc khi Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của các khoản đầu tư.

## **Ủy thác và nguồn vốn ủy thác**

Hoạt động ủy thác của Ngân hàng bao gồm các hình thức: Ủy thác vốn toàn bộ và ủy thác chỉ định.

Giá trị vốn bằng nguồn ủy thác và nhận vốn ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được các bên ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác đối với lợi nhuận và phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được thực hiện theo điều khoản ghi trong hợp đồng ủy thác đã ký kết.

## **Trả chậm ủy thác đầu tư**

Phản ánh các khoản trả chậm theo các hợp đồng ủy thác, theo đó, khách hàng được trả chậm số tiền mua chứng khoán nhất định đồng thời số chứng khoán mua phải ủy thác cho Ngân hàng nắm giữ. Trả chậm ủy thác đầu tư

được trình bày là một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán.

## **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được trình bày theo số dư nợ gốc trừ các khoản nợ đã xóa và dự phòng rủi ro cho vay tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

## **Dự phòng rủi ro tín dụng**

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 ("Quyết định 493") và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định 18") của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, và Quyết định số 780/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2012 về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ ("Quyết định 780"), tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn

dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493 và Quyết định 18.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Nhóm dư nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Quyết định 493, các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối quý cho ba quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho quý bốn trong năm tài chính.

Theo Quyết định 493, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ bị suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

## Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493 và Quyết định 18 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quyết định 493. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 5 theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cam kết.

Dự phòng chung được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11. Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại thuyết minh trên. Chi phí dự phòng được hạch toán vào khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán.

## Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp

có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	Thời gian hữu dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	05

## Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao. Giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 08 năm. Giá trị tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 03 năm.

## Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng

trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 6 đến 36 tháng theo các quy định kế toán hiện hành.

## Dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi đã quá hạn thanh toán (các khoản nhận Trả chậm ủy thác đầu tư, Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, Ủy thác đầu tư, Đầu tư trái phiếu, Phải thu hợp đồng bán kỳ hạn chứng khoán, Tạm Ứng, Ứng trước...) được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Theo đó, dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ hoạt động sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá.

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

## Lợi ích của nhân viên

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở 3% quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội của Ngân hàng trong năm.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

## Vốn và các quỹ

### Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

### Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận vốn từ cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các loại thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng.

- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 25% vốn điều lệ của Ngân hàng.

- Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng. Tỷ lệ trích lập các Quỹ này do Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng quy định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Các quỹ dự trữ này sẽ được trích lập vào thời điểm cuối niên độ kế toán.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Ngân hàng.

### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền tệ khác với VND được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản và công nợ có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên mục Vốn chủ sở hữu. Cuối năm tài chính, chênh lệch tỷ giá được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## Doanh thu

### *Thu nhập lãi*

Thu từ lãi được ghi nhận dựa trên phương pháp dự thu đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định hiện hành.

Số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn, tổ chức tín dụng hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Số lãi phải thu phát sinh trong năm của các khoản nợ quá hạn không phải hạch toán thu nhập, tổ chức tín dụng theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

### *Thu nhập từ dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Ghi nhận cổ tức*

Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác định. Đối với cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### *Chi phí vay*

Chi phí vay được ghi nhận là khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh và được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dần tích.

### *Thuê hoạt động*

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Wk No.	10 11	13 14	14 15 16 17 18
2 9 16 23	1 8 15 22 29	2 9 16 23 30	3 10 17 24	4 11 18 25	5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28	5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28	1 8 15 22 29
3 10 17 24	4 11 18 25	5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28	1 8 15 22 29	2 9 16 23 30	3 10 17 24	4 11 18 25	5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28
4 11 18 25	5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28	1 8 15 22 29	2 9 16 23 30	3 10 17 24	4 11 18 25	5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28	1 8 15 22 29
5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28	1 8 15 22 29	2 9 16 23 30	3 10 17 24	4 11 18 25	5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28	1 8 15 22 29	2 9 16 23 30
6 13 20 27	7 14 21 28	1 8 15 22 29	2 9 16 23 30	3 10 17 24	4 11 18 25	5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28	1 8 15 22 29	2 9 16 23 30	3 10 17 24
7 14 21 28	1 8 15 22 29	2 9 16 23 30	3 10 17 24	4 11 18 25	5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28	1 8 15 22 29	2 9 16 23 30	3 10 17 24	4 11 18 25
1 8 15 22 29	2 9 16 23 30	3 10 17 24	4 11 18 25	5 12 19 26	6 13 20 27	7 14 21 28	1 8 15 22 29	2 9 16 23 30	3 10 17 24	4 11 18 25	5 12 19 26
5 6 7 8 9	Wk No. 10 11	13 14						Wk No. 14 15 16 17 18			

## Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu

nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## Các cam kết và bảo lãnh ngoài bảng cân đối kế toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tại bất kỳ thời điểm nào Ngân hàng luôn có các khoản cam kết tín dụng chưa thực hiện. Các khoản cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các khoản bảo lãnh tài chính để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được.

## 5. TIỀN MẶT

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt bằng VND	160.863.249.700	251.938.842.399
Tiền mặt bằng ngoại tệ	23.009.212.300	39.617.563.640
	<b>183.872.462.000</b>	<b>291.556.406.039</b>

## 6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán tại NHNN bằng VND	2.966.776.058.411	276.705.072.955
Tiền gửi thanh toán tại NHNN bằng ngoại tệ	606.648.038.126	309.629.673.881
	<b>3.573.424.096.537</b>	<b>586.334.746.836</b>

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN) gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản thanh toán. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về dự trữ bắt buộc, các Ngân hàng được phép duy trì một số dư thải nỗi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Cụ thể, theo Quyết định số 379/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 02 năm 2011, Quyết định số 1209/QĐ-NHNN ngày 01 tháng 6 năm 2011 và Quyết định số 1972/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2011:

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng đồng Việt Nam là 3% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3%);

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên bằng đồng Việt Nam là 1% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1%).

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng ngoại tệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng ngoại tệ là 8% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 8%);

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên bằng ngoại tệ là 6% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 6%).

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng áp dụng cho tiền gửi bằng ngoại tệ của các tổ chức tín dụng ở nước ngoài là 1% trên số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc.

## 7. TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tiền gửi tại các TCTD khác</b>		
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	560.113.010.513	258.345.829.092
- <i>Bằng VND</i>	<i>86.290.741.494</i>	<i>56.841.988.176</i>
- <i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>473.822.269.019</i>	<i>201.503.840.916</i>
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	13.332.624.278.000	23.958.740.396.639
- <i>Bằng VND</i>	<i>11.165.970.750.000</i>	<i>21.649.889.858.336</i>
- <i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>2.166.653.528.000</i>	<i>2.308.850.538.303</i>
	<b>13.892.737.288.513</b>	<b>24.217.086.225.731</b>
<b>Cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>		
Cho vay bằng VND	1.448.337.500.000	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(10.862.531.250)	-
	<b>1.437.474.968.750</b>	-
	<b>15.330.212.257.263</b>	<b>24.217.086.225.731</b>

Lãi suất áp dụng cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng là 8,5%-15%/năm đối với VND, 2%-8%/năm đối với USD.

## 8. CHO VAY

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước</b>		
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	26.226.753.989.605	19.180.315.998.663
Cho vay chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá	13.306.659.938	6.749.607.508
	<b>26.240.060.649.543</b>	<b>19.187.065.606.171</b>

## Phân tích chất lượng Nợ cho vay

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	24.027.557.133.087	17.640.660.039.990
Nợ cần chú ý	1.288.742.644.445	1.146.945.632.952
Nợ dưới tiêu chuẩn	64.643.659.092	153.768.640.248
Nợ nghi ngờ	164.893.869.473	43.905.964.832
Nợ có khả năng mất vốn	694.223.343.446	201.785.328.149
	<b>26.240.060.649.543</b>	<b>19.187.065.606.171</b>

## Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nợ ngắn hạn	12.085.805.956.475	8.282.516.943.698
Nợ trung hạn	6.570.937.727.568	4.686.795.098.068
Nợ dài hạn	7.583.316.965.500	6.217.753.564.405
	<b>26.240.060.649.543</b>	<b>19.187.065.606.171</b>

Các khoản cho vay ngắn hạn có kỳ hạn ban đầu dưới 1 năm, các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn ban đầu từ 1 đến 5 năm. Các khoản vay dài hạn có kỳ hạn ban đầu trên 5 năm.

## Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho vay tổ chức kinh tế		
- Doanh nghiệp Nhà nước	2.936.799.998.904	2.381.865.371.588
- Doanh nghiệp trong nước khác	20.569.172.149.269	14.597.746.656.446
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	251.804.988.834	175.686.724.854
Cho vay cá nhân và hộ kinh doanh	2.482.283.512.536	2.031.766.853.283
	<b>26.240.060.649.543</b>	<b>19.187.065.606.171</b>

## Phân tích dư nợ theo ngành nghề

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công nghiệp chế biến, chế tạo	5.523.081.442.209	4.735.656.273.646
Xây dựng	4.450.436.845.829	3.542.488.656.974
Vận tải kho bãi	2.361.453.960.231	1.961.737.046.728
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.158.296.422.016	1.565.175.961.330
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	1.647.245.028.254	1.281.799.949.031
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	339.982.106.995	1.077.887.798.856
Khai khoáng	703.316.785.893	1.019.734.385.356
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	441.737.183.566	832.116.732.501
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	920.606.252.853	600.732.335.153
Hoạt động dịch vụ khác	986.429.793.287	493.020.627.939
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.440.126.019.010	405.874.757.500
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	1.041.659.764.490	341.656.566.345
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	120.775.451.980	111.396.664.031
Giáo dục và đào tạo	59.826.993.572	73.859.965.427
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	70.629.140.607	36.394.797.901
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	749.934.000	25.498.147.805
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	958.889.253.515	10.767.110.913
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.180.837.498.198	1.068.696.634.287
Khác	833.980.773.039	2.571.194.448
	<b>26.240.060.649.543</b>	<b>19.187.065.606.171</b>

### Phân tích dư nợ theo đơn vị tiền tệ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho vay bằng VND	22.631.299.201.955	15.450.425.107.960
Cho vay bằng ngoại tệ	3.608.761.447.588	3.736.640.498.211
	<b>26.240.060.649.543</b>	<b>19.187.065.606.171</b>

Lãi suất cho vay áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho các khoản vay là từ 3,5% đến 26%/năm đối với các khoản vay bằng VND và 3,6% đến 8,0%/năm đối với các khoản vay bằng USD.

### 9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY VÀ CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG

#### 9.1 Chi tiết số dư dự phòng rủi ro cho vay và các cam kết ngoại bảng

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự phòng cho vay Tổ chức tín dụng khác	10.862.531.250	-
Dự phòng cho vay khách hàng	675.081.194.525	231.396.591.138
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (xem Thuyết minh số 21)	26.758.654.825	20.885.130.932
	<b>712.702.380.600</b>	<b>252.281.722.070</b>

#### 9.2 Biến động số dư dự phòng rủi ro cho vay và các cam kết ngoại bảng trong năm

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	<b>163.274.733.023</b>	<b>89.006.989.047</b>	<b>252.281.722.070</b>
Dự phòng trích lập trong năm	56.596.354.758	411.256.564.600	467.852.919.358
Xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	-	(7.432.260.828)	(7.432.260.828)
Tại ngày 31/12/2012	<b>219.871.087.781</b>	<b>492.831.292.819</b>	<b>712.702.380.600</b>

## 10. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Chứng khoán Vốn</b>		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	62.559.265.586
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	52.142.851.259	178.044.039.557
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(20.076.611.983)	(102.938.561.421)
	<b>32.066.239.276</b>	<b>137.664.743.722</b>

## 11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

### Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Chứng khoán Nợ</b>		
- Chứng khoán Chính phủ	6.909.930.603.326	2.711.943.039.036
- Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	1.493.314.009.406	2.715.018.322.269
- Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	4.824.403.661.199	4.302.325.571.054
Chứng khoán Vốn	539.316.924.000	481.351.696.000
- Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	21.351.990.000	21.351.990.000
- Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	517.964.934.000	459.999.706.000
	<b>13.766.965.197.931</b>	<b>10.210.638.628.359</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(168.655.850.000)	(159.061.759.820)
	<b>13.598.309.347.931</b>	<b>10.051.576.868.539</b>

### Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Chứng khoán Nợ (trái phiếu) do các TCTD khác trong nước phát hành</b>		
Chứng khoán Nợ (trái phiếu) do các TCKT trong nước phát hành (*)	892.939.510.957	939.162.906.203
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(2.175.000.000)	-
	<b>890.764.510.957</b>	<b>939.162.906.203</b>

(\*) Số dư chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm 500.000.000.000 VND đầu tư vào trái phiếu của một tổ chức kinh tế. Khoản đầu tư này được phân loại lığı từ khoản mục "Chứng khoán Nợ (trái phiếu) do các TCTD khác trong nước phát hành" sang khoản mục "Chứng khoán Nợ (trái phiếu) do các TCKT trong nước phát hành".

## 12. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

### 12.1 Chi tiết số dư dự phòng giảm giá chứng khoán:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (xem Thuyết minh số 10)	20.076.611.983	102.938.561.421
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán (xem Thuyết minh số 11)	168.655.850.000	159.061.759.820
Dự phòng giảm giá chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (xem Thuyết minh số 11)	2.175.000.000	-
	<b>190.907.461.983</b>	<b>262.000.321.241</b>

### 12.2 Biến động số dư dự phòng giảm giá chứng khoán trong năm:

	Dự phòng chứng khoán kinh doanh	Dự phòng chứng khoán đầu tư	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	<b>102.938.561.421</b>	<b>159.061.759.820</b>	<b>262.000.321.241</b>
Dự phòng trích lập trong năm (xem Thuyết minh số 27)	-	56.659.490.180	56.659.490.180
Sử dụng nguồn dự phòng trong năm	(51.035.198.516)	(44.890.400.000)	(95.925.598.516)
Hoàn nhập dự phòng (xem Thuyết minh số 27)	(31.826.750.922)	-	(31.826.750.922)
Tại ngày 31/12/2012	<b>20.076.611.983</b>	<b>170.830.850.000</b>	<b>190.907.461.983</b>

## 13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vốn góp liên doanh	68.756.767.146	68.756.767.146
Các khoản đầu tư dài hạn khác	520.973.301.042	508.139.967.709
	<b>589.730.068.188</b>	<b>576.896.734.855</b>
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	(21.466.998.651)	-
	<b>568.263.069.537</b>	<b>576.896.734.855</b>

## 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nhà cửa, vật liệu kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2012	12.625.189.742	39.884.847.283	75.581.545.229	52.023.267.410	122.326.922
Mua sắm	2.943.947.352	8.841.518.453	11.364.221.080	12.806.805.526	-
Phân loại tài	(19.800.909)	21.803.000	18.281.120	29.249.789	(49.533.000)
Thanh lý	(384.055.061)	(3.230.762.300)	(670.064.295)	(4.036.718.446)	-
Khác	-	(46.313.349)	552.291.480	(12.117.185)	-
Tại ngày 31/12/2012	<b>15.165.281.124</b>	<b>45.471.093.087</b>	<b>86.846.274.614</b>	<b>60.810.487.094</b>	<b>72.793.922</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2012	3.880.618.724	9.132.238.083	19.417.490.769	18.023.128.466	18.235.099
Tăng trong năm	2.414.185.876	8.551.651.963	13.395.669.606	10.279.349.320	23.672.884
Thanh lý	(157.956.863)	(2.861.936.377)	(493.964.325)	(3.249.428.312)	-
Khác	(19.800.909)	2.007.641	69.286	(2.902.331)	(933.947)
Tại ngày 31/12/2012	<b>6.117.046.828</b>	<b>14.823.961.310</b>	<b>32.319.265.336</b>	<b>25.050.147.143</b>	<b>40.974.036</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<b>9.048.234.296</b>	<b>30.647.131.777</b>	<b>54.527.009.278</b>	<b>35.760.339.951</b>	<b>31.819.886</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>8.744.571.018</b>	<b>30.752.609.200</b>	<b>56.164.054.460</b>	<b>34.000.138.944</b>	<b>104.091.823</b>

## 15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2012	77.405.900.000	38.694.002.916	1.648.447.000	117.748.349.916
Mua sắm	-	10.945.797.443	169.406.667	11.115.204.110
Thanh lý	-	(2.751.565.720)	-	(2.751.565.720)
Khác	-	(14.000.000)	-	(14.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	<b>77.405.900.000</b>	<b>46.874.234.639</b>	<b>1.817.853.667</b>	<b>126.097.988.306</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2012	-	14.509.418.186	787.785.348	15.297.203.534
Tăng trong năm	-	11.411.454.891	560.119.422	11.971.574.313
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(2.751.565.720)	-	(2.751.565.720)
Khác	-	(14.000.000)	-	(14.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	-	<b>23.155.307.357</b>	<b>1.347.904.770</b>	<b>24.503.212.127</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 31/12/2012	<b>77.405.900.000</b>	<b>23.718.927.282</b>	<b>469.948.897</b>	<b>101.594.776.179</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>77.405.900.000</b>	<b>24.184.584.730</b>	<b>860.661.652</b>	<b>102.451.146.382</b>

## 16. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	783.993.683.320	852.268.232.915
Các khoản phải thu bên ngoài	768.527.693.220	2.850.290.611.785
Các khoản phải thu nội bộ	361.917.271.471	151.732.156.733
	<b>1.914.438.648.011</b>	<b>3.854.291.001.433</b>

## 17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	3.181.225.502	2.587.561.692
Vật liệu	4.021.309.901	5.023.311.267
Ủy thác đầu tư quản lý vốn (i)	151.501.000.000	836.701.459.728
Chi phí chờ phân bổ (ii)	71.742.486.206	49.203.791.631
	<b>230.446.021.609</b>	<b>893.516.124.318</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng ủy thác 139.001.000.000 VND cho một công ty quản lý vốn cho Ngân hàng trong một khoảng thời gian nhất định. Căn cứ vào báo cáo giá trị danh mục đầu tư, Ngân hàng ghi nhận phần tăng/giảm của danh mục vào kết quả kinh doanh trong năm.

(ii) Giá trị này chủ yếu bao gồm chi phí thuê văn phòng trả trước tại Hội sở và các chi nhánh của Ngân hàng.

## 18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG RỦI RO CHO CÁC TÀI SẢN CÓ NỘI BẢNG KHÁC

Dự phòng cho giá trị	31/12/2012	31/12/2011	Xử lý bằng nguồn dự phòng	Trích/(Hoàn nhập) trong năm (i)
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khác</b>				
Dự phòng phải thu ủy thác đầu tư trả chậm	11.925.128.549	16.290.371.585	16.115.590.719	11.750.347.683
Dự phòng phải thu bán kỳ hạn chứng khoán vốn	-	21.900.765.780	451.306.519	(21.449.459.261)
Các khoản phải thu khác	34.261.937.846	24.941.150.107	-	9.320.787.739
	<b>46.187.066.395</b>	<b>63.132.287.472</b>	<b>16.566.897.238</b>	<b>(378.323.839)</b>

(i) Hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác được ghi nhận tại khoản mục "Thu nhập từ hoạt động khác" (thuyết minh số 28). Chi phí dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác được ghi nhận tại khoản mục "Chi phí hoạt động" (thuyết minh số 30)

## 19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác</b>		
- Bằng VND	31.289.939.100	67.384.989.973
- Bằng ngoại tệ	244.300.853.954	644.277.315
	<b>275.590.793.054</b>	<b>68.029.267.288</b>
<b>Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác</b>		
- Bằng VND	7.796.045.786.681	16.098.433.749.730
- Bằng vàng và ngoại tệ	1.666.240.000.000	1.353.820.000.000
	<b>9.462.285.786.681</b>	<b>17.452.253.749.730</b>
<b>Tiền vay các TCTD khác</b>		
- Bằng VND	2.874.300.000.000	-
- Bằng vàng và ngoại tệ	624.840.000.000	-
	<b>3.499.140.000.000</b>	<b>-</b>
	<b>13.237.016.579.735</b>	<b>17.520.283.017.018</b>

Lãi suất phải trả cho các khoản tiền gửi, tiền vay của các TCTD khác là 3% đến 13,5%/năm đối với VND và 1,8% đến 4% /năm đối với USD.

## 20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tiền, vàng gửi không kỳ hạn</b>	<b>11.037.170.421.436</b>	<b>6.488.167.959.891</b>
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	8.205.920.839.371	4.474.812.790.693
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	2.831.249.582.065	2.013.355.169.198
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>31.904.595.855.017</b>	<b>31.892.680.695.612</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	29.237.174.714.690	28.171.292.819.640
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.667.421.140.327	3.721.387.875.972
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>	<b>248.867.361.779</b>	<b>44.221.688.988</b>
<b>Tiền gửi ký quỹ</b>	<b>49.222.351.602</b>	<b>164.822.280.887</b>
- Tiền gửi ký quỹ bằng VND	25.280.466.995	38.688.496.780
- Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	23.941.884.607	126.133.784.107
	<b>43.239.855.989.834</b>	<b>38.589.892.625.378</b>

Lãi suất áp dụng cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn của doanh nghiệp bằng VND là 8- 13,5%/năm và bằng USD là 0,4-0,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn của cá nhân bằng VND là 7,4%-16%/năm và bằng USD là 1,95%-8,4%/năm.

## 21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản lãi và phí phải trả	488.172.257.404	478.353.042.119
Các khoản phải trả nội bộ (21.1)	19.176.626.042	16.488.675.903
Các khoản phải trả bên ngoài (21.2)	44.692.505.640	84.898.922.916
Doanh thu chờ phân bổ	327.953.005	12.042.004.671
Dự phòng đối với các cam kết đưa ra	26.758.654.825	20.885.130.932
	<b>579.127.996.916</b>	<b>612.667.776.541</b>

### 21.1 Chi tiết các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả cán bộ, công nhân viên	19.175.076.042	16.485.675.903
Các khoản phải trả khác	1.550.000	3.000.000
	<b>19.176.626.042</b>	<b>16.488.675.903</b>

### 21.2 Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.845.413.934
Thuế giá trị gia tăng	128.309.859	2.222.196
Tạm giữ chờ chuyển tiền	53.653.000	20.899.250.775
Phải trả thẻ Visa, Banknet, Western Union	6.970.145.150	11.592.930.888
Nhận đặt cọc bán chứng khoán	17.500.000.000	17.500.000.000
Các khoản phải trả khác	20.040.397.631	20.059.105.123
	<b>44.692.505.640</b>	<b>84.898.922.916</b>

## 22. VỐN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Biến động các khoản mục chính thuộc vốn chủ sở hữu:

Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ bổ sung vốn chủ sở hữu	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu khác	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>3.500.000.000.000</b>	<b>2.916.370.000</b>	<b>14.896.758</b>	<b>85.588.265.776</b>	<b>45.024.495.213</b>	<b>8.213.391.903</b>	<b>4 45.547.399.363</b>	<b>39.146.400</b>
Tăng vốn	500.000.000.000	-	-	-	-	-	-	500.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	- 487.931.115.362	-	487.931.115.362
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	- (410.000.000.000)	-	(410.000.000.000)
Trích quỹ	-	-	-	-	- 33.000.000.000	(33.000.000.000)	-	-
Chi quỹ	-	-	-	-	- (21.224.483.880)	-	-	(21.224.483.880)
Tại ngày 31/12/2011	4.000.000.000.000	2.916.370.000	14.896.758	85.588.265.776	45.024.495.213	19.988.908.023	490.478.514.725	39.146.400
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	- 243.214.308.879	-	214.308.879
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	- (375.000.000.000)	-	(375.000.000.000)
Trích quỹ (i)	-	-	-	- 46.353.455.959	24.396.555.768	42.181.103.635 (112.931.115.362)	-	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	- (27.448.445.989)	-	(27.448.445.989)
Giảm khác	-	-	-	- (2.393.681)	-	-	-	(2.393.681)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>2.916.370.000</b>	<b>14.896.758</b>	<b>131.939.328.054</b>	<b>69.421.050.981</b>	<b>34.721.565.669</b>	<b>245.761.708.241</b>	<b>39.146.400</b>
								<b>4.484.814.066.103</b>

(i) Số tiền trả cổ tức (200.000.000.000 VND) và trích quỹ phát sinh trong năm được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 01/2012/NQ-DHĐCĐ ngày 19 tháng 5 năm 2012. Trong năm 2011, Ngân hàng đã tạm ứng cổ tức cho kết quả kinh doanh năm 2011 với số tiền 175.000.000 VND theo Thông báo số 135A/2011/TB-OceanBank ngày 20 tháng 4 năm 2011 và ghi nhận như một khoản phải thu khác trên báo cáo tài chính (xem Thuyết minh số 16.2). Sau khi có quyết định chính thức về cổ tức của năm 2011, Ngân hàng đã giảm trừ khoán cổ tức đã chi này vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## Cổ phiếu

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

## 23. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	1.621.439.041.395	1.830.231.447.415
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	3.198.891.540.326	2.783.730.379.884
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	1.343.428.655.409	1.297.171.988.728
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	240.514.320.560	516.935.559.614
	<b>6.404.273.557.690</b>	<b>6.428.069.375.641</b>

## 24. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2012	2011
	VND	VND
Trả lãi tiền gửi	4.668.373.564.273	4.692.034.995.736
Trả lãi tiền vay	35.014.422.484	63.156.486.734
Chi phí hoạt động tín dụng khác	80.523.042.341	78.323.379.559
	<b>4.783.911.029.098</b>	<b>4.833.514.862.029</b>

## 25. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2012	2011
	VND	VND
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>43.401.907.143</b>	<b>46.048.215.063</b>
-Thu từ nghiệp vụ thanh toán	17.780.878.589	21.421.338.783
-Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	17.220.434.529	15.085.555.316
-Thu từ nghiệp vụ uỷ thác và đại lý	2.991.508.876	5.853.664.733
-Thu từ dịch vụ thu xếp vốn và tư vấn	-	157.278.254
-Thu khác	5.409.085.149	3.530.377.977
<b>Chi phí từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>27.554.530.957</b>	<b>30.633.448.416</b>
-Chi về dịch vụ thanh toán	23.585.955.158	21.672.714.477
-Chi về dịch vụ uỷ thác và đại lý	2.505.931.795	8.170.099.208
-Chi về dịch vụ tư vấn	1.344.491.004	790.602.731
-Chi về hoa hồng môi giới	118.153.000	32.000
<b>(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>15.847.376.186</b>	<b>15.414.766.647</b>

## 26. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI VÀ ĐÁNH GIÁ TỶ GIÁ NGOẠI TỆ

	2012	2011
	VND	VND
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>58.763.984.264</b>	<b>61.111.057.303</b>
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	53.056.196.648	57.945.057.303
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.690.519.316	2.966.000.000
- Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	3.017.268.300	200.000.000
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>28.620.988.326</b>	<b>109.598.797.834</b>
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	24.548.396.587	51.415.465.498
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.646.177.765
- Chi về kinh doanh vàng	-	492.000.000
- Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	4.072.591.739	57.026.714.571
<b>Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>30.142.995.938</b>	<b>(48.487.740.531)</b>

## 27. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN

### Chứng khoán kinh doanh

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	7.958.234.331	58.189.210.237
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(3.446.874.252)	(904.053.040)
Hoàn nhập/(Chi phí) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (xem Thuyết minh số 12.2)	31.826.750.922	(131.025.451.396)
	<b>36.338.111.001</b>	<b>(73.740.294.199)</b>

### Chứng khoán đầu tư

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	38.544.162.858	8.273.086
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(174.448.266)	(1.376)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (xem Thuyết minh số 12.2)	(56.659.490.180)	(50.726.059.820)
	<b>(18.289.775.588)</b>	<b>(50.717.788.110)</b>

## 28. THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2012	2011
	VND	VND
Lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư	16.802.986.528	56.400.796.843
Thu hoàn dự phòng tài sản có khác (Xem Thuyết minh số 18)	28.660.870.061	-
Thu nhập từ các khoản nợ đã xóa	10.779.043.366	10.244.587.475
Thu nhập khác	14.322.868.990	11.018.843.691
	<b>70.565.768.945</b>	<b>77.664.228.009</b>

## 29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2012	2011
	VND	VND
Thoái lãi dự thu	322.325.919.707	78.220.882.051
Chi phí khác	8.813.267.608	13.366.402.034
	<b>331.139.187.315</b>	<b>91.587.284.085</b>

## 30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2012	2011
	VND	VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	1.171.674.866	5.320.373.425
Chi phí cho nhân viên	255.548.288.468	203.148.661.005
<i>Trong đó:</i>		
- Chi lương và phụ cấp	216.385.870.737	179.310.629.757
- Các khoản chi đóng góp theo lương	17.083.574.910	11.771.699.996
- Chi trợ cấp	6.512.000	25.983.750
- Chi công tác xã hội	-	-
Chi về tài sản	177.119.783.966	156.438.360.433
<i>Trong đó: - Khấu hao tài sản cố định</i>	<i>46.631.186.656</i>	<i>32.260.638.925</i>
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	199.485.567.881	175.356.363.514
<i>Trong đó:</i>		
- Công tác phí	9.737.133.413	7.839.041.140
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	400.287.441	717.339.663
Chi nộp phí bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách	11.271.777.686	11.303.931.543
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	21.466.998.651	-
Chi phí dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác (Thuyết minh số 18)	28.282.546.222	63.132.287.472
	<b>694.346.637.740</b>	<b>614.699.977.392</b>

### 31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế TNDN	310.210.643.641	643.393.959.302
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Thu nhập cổ tức trong năm	(48.582.382.980)	(22.841.435.769)
- Chi phí không được khấu trừ	2.812.015.007	1.298.852.225
- Điều chỉnh thu nhập chịu thuế TNDN năm 2010 và năm 2011 theo Biên bản quyết toán thuế	3.545.063.378	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>267.985.339.046</b>	<b>621.851.375.758</b>
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế</b>	<b>66.996.334.762</b>	<b>155.462.843.940</b>

### 32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	2012	2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	243.214.308.879	487.931.115.362
Số cổ phiếu đầu năm	Cổ phần	400.000.000	350.000.000
Số cổ phiếu đã phát hành trong năm	Cổ phần	-	50.000.000
<b>Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>Cổ phần</b>	<b>400.000.000</b>	<b>379.315.068</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>608</b>	<b>1.286</b>

### 33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ngân hàng có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	95.004.548.780	45.189.533.338
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	164.958.948.184	107.899.199.534
Trên 5 năm	56.858.880.825	45.437.479.827
<b>Tổng</b>	<b>316.822.377.788</b>	<b>198.526.212.699</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng và trụ sở làm việc của Ngân hàng.

## 34. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phần lớn các số dư nợ cho vay, tiền gửi, cam kết tín dụng, công cụ phái sinh và đầu tư chứng khoán đều phát sinh trong nước trừ các khoản tiền gửi tại các TCTD ngoài nước với giá trị là

392.030.834.855 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 48.561.822.097 VND) và cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng cho các khách hàng ở nước ngoài là 924.175.097.689 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.505.108.092.573 VND).

## 35. RỦI RO TIỀN TỆ

Ngân hàng thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Ngân hàng sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ngân hàng phòng chống rủi ro này bằng cách thiếp lập hạn mức về trạng thái ngoại hối cho tất cả các loại ngoại tệ, tiến hành kiểm soát hạn mức hàng ngày, đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và mục đích quản lý rủi ro nội bộ. Ủy

ban ALCO chịu trách nhiệm điều chỉnh các hạn mức theo từng thời kỳ. Ngoài ra, Ủy ban ALCO cũng đưa ra những cảnh báo về sự biến động của thị trường để kịp thời đưa ra những phương án tối ưu lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

31/12/2012	EUR	USD	Các ngoại tệ khác quy đổi	Tổng
	quy đổi	quy đổi	quy đổi	triệu VND
<b>Tài sản</b>				
I- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	23.009	-	23.009
II- Tiền gửi tại NHNN	-	606.648	-	606.648
III- Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	64.429	3.374.027	243.420	3.681.876
IV- Cho vay khách hàng	-	3.608.761	-	3.608.761
V- Các tài sản Có khác	-	61.611	-	61.611
<b>Tổng tài sản</b>	<b>64.429</b>	<b>7.674.056</b>	<b>243.420</b>	<b>7.981.905</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>				
I- Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	2.295.751	239.630	2.535.381
II- Tiền gửi của khách hàng	65.010	5.505.264	1.538	5.571.812
III- Các khoản nợ khác	1	25.300	-	25.301
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>65.011</b>	<b>7.826.315</b>	<b>1.538</b>	<b>8.132.494</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>(582)</b>	<b>(152.259)</b>	<b>241.882</b>	<b>(150.589)</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	-	-	-	-
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>(582)</b>	<b>(152.259)</b>	<b>241.882</b>	<b>(150.589)</b>

Ngân hàng chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") và khách hàng, ủy thác vốn và ủy thác đầu tư cho các đối tác, các khoản tiền gửi và vay TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, vốn nhận ủy thác đầu tư chịu lãi suất theo các hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng chịu rủi ro lãi suất khi Ngân hàng huy động chủ yếu là lãi suất cố định và đầu tư vào các tài sản có lãi suất thấp nỗi. Rủi ro này sẽ do Ngân hàng quản lý mức độ chênh lệch của các tài sản và nợ phải trả nhạy cảm với lãi suất.

### 36. RỦI RO LÃI SUẤT

31/12/2012	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 01 tháng	Từ 01-03 tháng	Từ 03-12 tháng	Từ 01-05 năm	Trente 05 năm	Tổng
	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND
<b>Tài sản</b>								
I- Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	183.872	-	-	-	-	-	183.872
II- Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.573.424	-	-	-	-	3.573.424
III- Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	1.080.091	-	4.027.806	1.769.358	8.463.820	-	-	15.341.075
IV- Chứng khoán kinh doanh (*)	-	52.143	-	-	-	-	-	52.143
V- Cho vay khách hàng (*)	1.575.560	-	1.886.902	13.785.079	7.142.506	1.746.702	103.312	26.240.061
VI- Chứng khoán đầu tư (*)	150.000	539.317	705.599	300.000	4.171.995	8.623.042	169.952	14.659.905
VII- Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	589.730	-	-	-	-	-	589.730
VIII- Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	231.609	-	-	-	-	-	231.609
IX- Tài sản Cố khác (*)	144.296	3.918.924	359.641	-	50.734	61.191	-	4.534.786
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.949.947</b>	<b>5.515.595</b>	<b>10.553.372</b>	<b>15.854.437</b>	<b>19.829.055</b>	<b>10.430.935</b>	<b>273.264</b>	<b>65.406.605</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
I- Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	7.926.015	1.562.420	6.292.383	342.507	34.976	16.158.301
II- Tiền gửi của khách hàng	-	-	27.098.666	13.560.407	2.564.740	16.043	-	43.239.856
III- Các khoản nợ khác	-	552.369	-	-	-	-	-	552.369
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>552.369</b>	<b>35.024.681</b>	<b>15.122.827</b>	<b>8.857.123</b>	<b>358.550</b>	<b>34.976</b>	<b>59.950.526</b>
<b>Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng</b>	<b>2.949.947</b>	<b>4.963.226</b>	<b>(24.471.309)</b>	<b>731.610</b>	<b>10.971.932</b>	<b>10.072.385</b>	<b>238.288</b>	<b>5.456.079</b>
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng</b>	<b>2.949.947</b>	<b>4.963.226</b>	<b>(24.471.309)</b>	<b>731.610</b>	<b>10.971.932</b>	<b>10.072.385</b>	<b>238.288</b>	<b>5.456.079</b>

(\*) Không bao gồm dự phòng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có chênh lệch âm giữa tài sản và công nợ chịu rủi ro lãi suất dưới 1 tháng. Tuy nhiên, Ngân hàng dự báo trong vòng 1 năm tới, lãi suất thị trường diễn biến ổn định. Vì vậy, chênh lệch này vẫn nằm trong kiểm soát của Ngân hàng

## 37. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng hoàn thiện mô hình phê duyệt tín dụng tập trung bằng việc thành lập Ủy ban Tín dụng và Đầu tư tài chính. Việc phê duyệt tín dụng với mô hình tập trung theo nhiều cấp phê duyệt đã phân luồng phê duyệt hồ sơ tín dụng theo các mức từ Chi nhánh, đến các khối chức năng và Ủy ban Tín dụng. Mô hình này đã giúp Ngân hàng luôn kiểm soát được rủi ro khách hàng, duy trì được tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp.

Chính sách rủi ro tín dụng trong năm qua cũng được Ngân hàng tiếp tục rà soát, cập nhật theo tình hình thị trường, cải tiến và ban hành hàng loạt văn bản quan trọng: Chính sách tín dụng, Quy định cho vay, Quy định bảo lãnh, Quy định về phê duyệt tín dụng... và một số chỉ thị tín dụng nhằm kiểm soát rủi ro tín dụng. Ngoài ra, Ngân hàng cũng tập trung quản lý rủi ro thông qua giới hạn tín dụng cho từng nhóm khách hàng, các nhóm ngành nghề phi sản xuất.

Số dư đối với các đối tác theo loại hình đã được trình bày trong các Thuyết minh liên quan đến tài sản của Ngân hàng.



## 38. RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Ngân hàng quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Ngân hàng tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Ngân hàng là theo dõi thường xuyên các yêu cầu

về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Ngân hàng duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Ngân hàng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31/12/2012	Quá hạn			Trong hạn			Tổng
	Tên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ 01-03 tháng	Từ 03-12 tháng	năm	
triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND
<b>Tài sản</b>							
I- Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	183.872	-	-	-	183.872
II- Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.573.424	-	-	-	3.573.424
III- Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	1.080.091	-	4.027.806	1.769.358	8.463.820	-	15.341.075
IV- Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	52.143	-
V- Cho vay khách hàng (*)	943.798	631.762	1.819.216	2.929.552	8.725.077	8.577.692	26.240.061
VI- Chứng khoán đầu tư (*)	-	150.000	705.599	300.000	2.035.321	11.278.963	190.022
VII- Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	589.730
VIII- Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	231.609	-
XI- Tài sản Cố khác (*)	86.552	57.744	567.365	302.818	2.092.082	639.436	788.789
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.110.441</b>	<b>839.506</b>	<b>10.877.282</b>	<b>5.301.728</b>	<b>21.316.300</b>	<b>20.779.843</b>	<b>4.181.505</b>
<b>Nợ phải trả</b>							
I- Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD	-	-	7.926.015	1.562.420	6.292.383	342.507	34.976
II- Tiền gửi của khách hàng	-	-	18.298.666	22.360.407	2.564.740	16.043	-
V- Các khoản nợ khác	-	-	212.615	83.084	219.927	36.683	60
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.437.296</b>	<b>24.005.911</b>	<b>9.077.050</b>	<b>395.233</b>	<b>35.036</b>
<b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>	<b>2.110.441</b>	<b>839.506</b>	<b>(15.560.014)</b>	<b>(18.704.183)</b>	<b>12.239.250</b>	<b>20.384.610</b>	<b>4.146.469</b>

(\*) Không bao gồm dự phòng

Bảng trên đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản và nợ phải trả và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng trên đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản và công nợ tính theo ngày sớm nhất mà Ngân hàng phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Ngân hàng phải thu hoặc trả, trừ các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là trên 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định. Trên thực tế, tài sản và công nợ của Ngân hàng có thể được quay vòng và duy trì trong thời gian lâu hơn.

### 39. HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC CHO VAY KHÔNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Vốn nhận ủy thác cho vay không chịu rủi ro</b>		
Bằng VND	1.544.764.085.217	2.385.179.281.746
Bằng USD	163.794.863.403	645.595.175.939
	<b>1.708.558.948.620</b>	<b>3.030.774.457.685</b>

### 40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Một số số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh đã được phân loại lại như sau:

Khoản mục	Ghi chú	Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày		Trình bày lại trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày
		31/12/2011	Thay đổi	
		VND	VND	VND
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(i)	290.849.076.228	(102.851.175.810)	187.997.900.418
(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động khác	(i)	88.928.119.734	(102.851.175.810)	(13.923.056.076)

(i) Khoản phân loại lại phản ánh số hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng đang ghi nhận vào khoản mục "(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động khác". Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, giá trị hoàn nhập được ghi nhận giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng.



Nguyễn Minh Thu  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Nga  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Hiền  
Người lập





**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI DƯƠNG**

[www.oceanbank.vn](http://www.oceanbank.vn)